



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014



TẬP ĐOÀN SAO MAI



KHU ĐÔ THỊ CAO CẤP SAO MAI

An Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2015



THƯ NGỎ

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN SAO MAI

Kính thưa: QUÝ CỔ ĐÔNG

Lời đầu tiên thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai tôi gửi lời chào, lời cảm ơn sâu sắc đến toàn thể quý vị đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt chặng đường vừa qua!

Có thể nói, năm 2014 Giáp Ngọ vừa qua đi là một năm mà bức tranh kinh tế thế giới có nhiều mảng sáng tối đan xen. Sự phục hồi mạnh mẽ vững chắc của đầu tàu kinh tế Mỹ là điểm sáng lớn nhất, trong khi nền kinh tế số 2 thế giới Trung Quốc tăng trưởng chậm lại, báo hiệu một phần của sự tiềm ẩn nhiều rủi ro; Nền kinh tế Nhật Bản lớn thứ 3 thế giới tiếp tục rơi vào suy thoái và khu vực đồng tiền chung Châu Âu đang bị nguy cơ khủng hoảng quay trở lại là những mảng tối trong bức tranh nhiều màu sắc. Dù vậy, theo các chuyên gia, tình hình chung vẫn tốt và tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm sau luôn cao hơn năm trước.

Ở trong nước, nền kinh tế cũng có nhiều dấu hiệu khởi sắc và sáng sủa hơn. Đó là kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng GDP cả năm đạt mức 5,98% vượt chỉ tiêu 5,8% đề ra, lạm phát giữ ở mức thấp chỉ 2%, lãi suất cho vay liên tục giảm, xuất khẩu hàng hóa tăng khá đạt mức kỷ lục 150 tỷ USD, lần đầu tiên sau nhiều năm VN xuất siêu 2 tỷ USD, cải cách thủ tục hành chính nhà nước đã có nhiều tiến bộ. Tuy vậy, nền kinh tế vẫn còn đó những bất cập như: tốc độ tái cấu trúc nền kinh tế diễn ra còn chậm, năng suất lao động thấp, sức khỏe của hệ thống doanh nghiệp còn yếu, có đến 67.800 doanh nghiệp giải thể ngừng hoạt động nhiều hơn con số 60.700 của năm 2013, nợ xấu ngân hàng vẫn ở mức cao và có xu hướng tăng trở lại, dòng vốn tín dụng chưa được nền kinh tế hấp thụ nhiều.

Thưa quý cổ đông! Trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế, Tập đoàn Sao Mai đã hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Nghị quyết Đại hội cổ đông đề ra. Riêng Công ty mẹ ASM năm 2014 đạt 1.207 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 6,35% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế đạt 80,34 tỷ đồng cao hơn gấp 7 lần so với năm 2013. Để đạt được kết quả ấn tượng này, chính là nhờ vào sự đoàn kết nỗ lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất từ HĐQT cho đến Ban điều hành và cán bộ, công nhân.

Năm 2015 được dự báo vẫn còn nhiều khó khăn, diễn biến khó lường của nền kinh tế. Song, với tinh thần lạc quan, đoàn kết, sáng tạo, không ngừng cải tiến tập thể CBCNV Tập đoàn Sao Mai quyết tâm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của năm 2015, làm tiền đề phát triển cho Tập đoàn đến năm 2020, khi đó chúng ta chuyển trụ sở về đất “Tây Đô”- Trung tâm về kinh tế - chính trị của Khu vực ĐBSCL, đưa thương hiệu Sao Mai lan tỏa ra khỏi phạm vi khu vực.

Cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành, tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác đã luôn ủng hộ và tiếp sức cho Sao Mai trong suốt chặng đường vừa qua. Toàn thể CBCNV Tập đoàn cam kết sẽ tiếp tục làm việc , không ngừng phấn đấu để đưa Sao Mai trở thành một trong những Tập đoàn đầu tư và kinh doanh bất động sản hàng đầu tại Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, hợp tác của Quý vị trong chặng đường sắp tới!

Trân trọng kính chào!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
Kỹ sư Lê Thanh Thuần





MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	6
I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT	6
II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN	6
1. Thành lập và phát hành cổ phiếu	6
2. Niêm yết	10
3. Các sự kiện khác:	11
III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG	14
1. Ngành nghề kinh doanh:	14
2. Địa bàn hoạt động:	14
IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	15
1. Mô hình quản trị:	15
2. Cơ cấu tổ chức	15
3. Cơ cấu bộ máy quản lý	18
4. Các công ty con, công ty liên kết:	23
V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	29
1. Các mục tiêu chủ yếu của Tập đoàn	29
2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn	29
3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Tập đoàn	30
VI. CÁC RỦI RO	31
1. Rủi ro kinh doanh	31
2. Rủi ro trong hoạt động sản xuất	31
3. Rủi ro tài chính	31
4. Rủi ro thay đổi chính sách	31
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	34
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	34
1. Tình hình chung	34
2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	34
3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:	34
II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	35
1. Tóm tắt lý lịch Ban điều hành	35
2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động	39
III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM	42
1. Tình hình đầu tư trong năm 2014	42
2. Tình hình thực hiện các dự án lớn	43
3. Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết	49
IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY	57
1. Tình hình tài chính	57
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (BCTC hợp nhất)	57
V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	58
1. Cổ phần	58



2. Cơ cấu cổ đông.....	58
3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu.....	59
4. Giao dịch cổ phiếu quỹ.....	59
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	60
I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	60
1. Tình hình hoạt động kinh doanh:	60
2. Những tiến bộ công ty đã đạt được.....	69
II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	70
1. Tài sản:	70
2. Nguồn vốn:.....	70
3. Hiệu quả sử dụng vốn:	70
III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	71
VI. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI.....	71
1. Về kinh doanh:	71
2. Về đầu tư	73
3. Kế hoạch kinh doanh năm 2015	74
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	75
I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	75
1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh:	75
2. Tình hình đầu tư:	75
II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY.....	75
III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	75
QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	77
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:.....	77
1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:	77
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:.....	79
3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:	80
II. BAN KIỂM SOÁT	80
1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:	80
2. Hoạt động của Ban kiểm soát:	81
III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	82
1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:	82
2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:	82
3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:	82
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Tập đoàn:	82
BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	84



THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên đầy đủ : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI.**
- Tên viết tắt : **TẬP ĐOÀN SAO MAI**
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: **Sao Mai Group Corporation.**
- Biểu tượng : 
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1600169024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 08/12/2014 (đăng ký thay đổi lần thứ 25).
- Vốn điều lệ: 1.072.877.400.000 đồng.
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 1.072.877.400.000 đồng.
- Địa chỉ : 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại : 076 3840 138 Fax: 076 3840 139.
- Website : www.saomaia.vn Email: saomaia@saomaia.vn
- Mã cổ phiếu : **ASM.**

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

1. Thành lập và phát hành cổ phiếu

ASM được thành lập theo Quyết định số 000450/GP/TLĐN-03 ngày 05/02/1997 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang, với vốn điều lệ ban đầu là 905.000.000 đồng. Trong quá trình phát triển, Công ty đã nhiều lần tăng vốn điều lệ như sau:

- **Tăng vốn lần 1:** Tăng vốn điều lệ từ 905.000.000 đồng lên 2.520.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/1997/NQ-HĐCĐ ngày 27/11/1997.
 - Thời gian thực hiện: Tháng 12 năm 1997.
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông sáng lập.
 - Số lượng phát hành: 80,75 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
 - Tỷ lệ phân phối: Theo tỷ lệ nắm giữ của cổ đông sáng lập.
 - Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 2:** Tăng vốn điều lệ từ 2.520.000.000 đồng lên 25.200.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/2000/NQ-HĐCĐ ngày 31/12/2000.
 - Thời gian thực hiện: Tháng 02 năm 2001.
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông sáng lập.



- Số lượng phát hành: 1.134 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
- Tỷ lệ phân phối: Theo tỷ lệ nắm giữ của cổ đông sáng lập.
- Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 3:** Tăng vốn điều lệ từ 25.200.000.000 đồng lên 32.820.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2004/NQ-HĐCĐ ngày 14/05/2004.
 - Thời gian thực hiện: Tháng 06 năm 2004.
 - Đối tượng và tỷ lệ phân phối: thỏa thuận giữa các cổ đông sáng lập theo tỷ lệ sở hữu.
 - Số lượng phát hành: 381 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
 - Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 4:** Tăng vốn điều lệ từ 32.820.000.000 đồng lên 49.563.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07/NQ-SM ngày 01/08/2007.

Tổng số lượng phát hành: 1.718.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
Trong đó:

Phát hành cho người lao động (Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người lao động trong Công ty)

 - Số lượng phát hành: 164.000 cổ phần (tương đương 1,64 tỷ đồng mệnh giá).
 - Ngày chốt danh sách: 15/10/2007.
 - Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo danh sách do HĐQT phê duyệt.
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Ngày phát hành: 24/10/2007.

Phát hành lần đầu ra công chúng theo hình thức đấu giá:

 - Số lượng phát hành: 1.510.300 cổ phần (tương ứng 15,103 tỷ đồng mệnh giá).
 - Ngày phát hành: 24/10/2007.
 - Ngày bắt đầu chào bán: 24/10/2007.
 - Ngày kết thúc chào bán: 05/12/2007.
 - Giá trúng bình quân làm tròn: 104.000 đồng/cổ phần.
 - Thời hạn đăng ký mua: Từ ngày 24/10/2007 đến ngày 05/11/2007.
 - Thời gian thanh toán tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 14/11/2007 đến ngày 05/12/2007.
 - Ngày kết thúc chuyển giao cổ phiếu: 20/12/2007.
- **Tăng vốn lần 5:** Tăng vốn điều lệ từ 49.563.000.000 đồng lên 99.126.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2009/NQ-HĐCĐ ngày 16/10/2009.



- Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1.
 - Ngày phát hành: Từ 14/11/2009 đến 21/11/2009.
 - Số lượng phát hành: 4.956.300 cổ phần.
 - Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối.
- **Tăng vốn lần 6:** Tăng vốn điều lệ từ 99.126.000.000 đồng lên 397.362.020.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 31/NQ-ĐHĐCĐBT/2010 ngày 07/11/2010.

Tổng số lượng phát hành: 29.823.602 cổ phiếu. Trong đó:

Phát hành 29.328.802 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

 - Thưởng 9.912.600 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (Cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được thưởng 1 cổ phần mới) từ nguồn thặng dư và lợi nhuận chưa phân phối;
 - Chào bán 19.416.202 cổ phiếu:
 - Đối tượng: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền;
 - Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu;
 - Tỷ lệ chào bán: 1:2 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 02 cổ phiếu mới);
 - Ngày phát hành: 16/3/2011.

Phát hành 494.800 cổ phần (tương đương 4,99% vốn điều lệ hiện tại) cho CBCNV của Công ty, cụ thể:

 - Đối tượng chào bán: CBCNV có tên trong danh sách lao động của ASM tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông;
 - Giá chào bán 10.000 đồng/cổ phần;
 - Ngày phát hành: 16/3/2011.
 - **Tăng vốn lần 7:** Tăng vốn điều lệ từ 397.362.020.000 đồng lên 476.834.400.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/BB-ĐHĐCĐ/2013 ngày 14/09/2013.
 - Mục đích: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 theo tỉ lệ 5:1 từ nguồn thặng dư và lợi nhuận chưa phân phối.
 - Ngày phát hành: Quý 4/2013.
 - Số lượng phát hành: 7.947.238 cổ phần.
 - **Tăng vốn lần 8:** Tăng vốn điều lệ từ 476.834.400.000 đồng lên 1.072.877.400.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 17/05/2014.

Tổng số lượng phát hành: 59.604.300 cổ phiếu. Trong đó:



* Phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- + Số lượng phát hành: 9.536.688 cổ phiếu
- + Tỷ lệ thực hiện: 20%/vốn điều lệ
- + Nguồn thực hiện: Thặng dư vốn cổ phần
- + Ngày phát hành: 01/10/2014.

* Phát hành cho cổ đông hiện hữu:

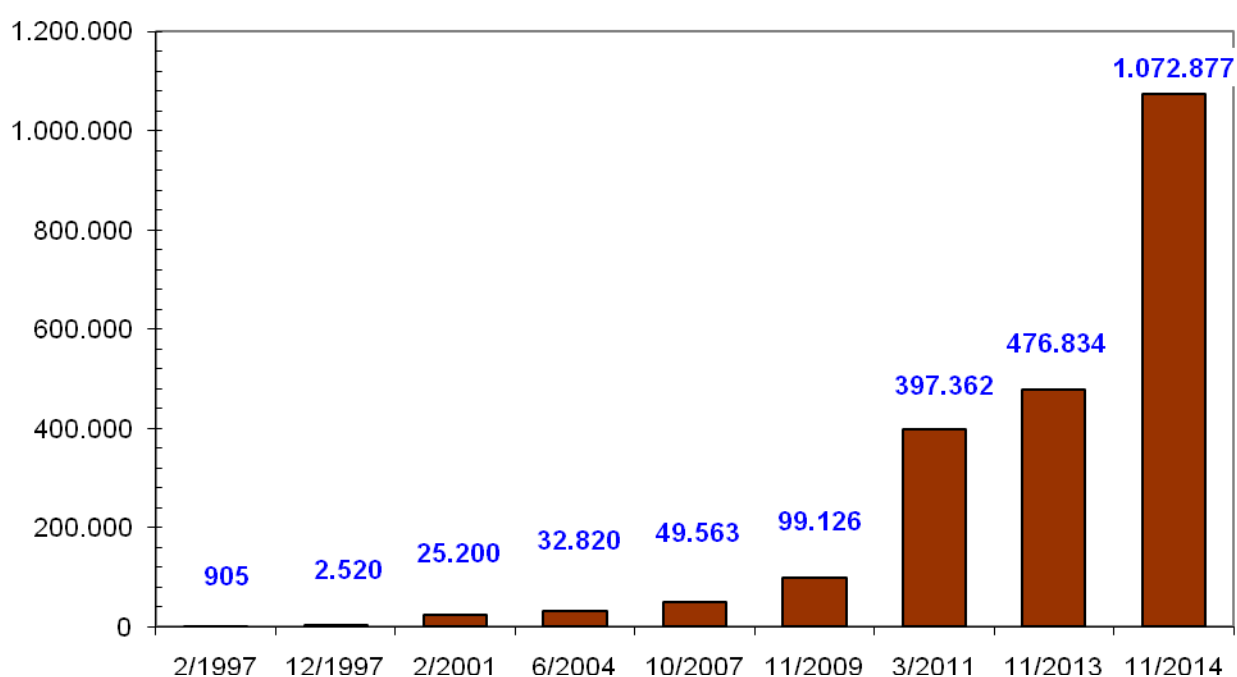
+ Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu được hưởng quyền mua cổ phần mới theo tỷ lệ số cổ phần sở hữu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua.

- + Số lượng phát hành: 47.683.440 cổ phiếu
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Ngày phát hành: 24/11/2014.

* Phát hành cho cán bộ công nhân viên

- + Đối tượng chào bán: CBCNV có tên trong danh sách lao động của ASM đính kèm theo Nghị quyết HĐQT;
- + Số lượng phát hành: 2.384.172 cổ phiếu
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Ngày phát hành: 24/11/2014.

Biểu đồ tăng trưởng vốn (triệu đồng)





2. Niêm yết

- Ngày 24/12/2009, Sao Mai được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chính thức cấp giấy Chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 173/QĐ-SGDCK TP.HCM.
- Ngày 18/01/2010, cổ phiếu Sao Mai được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 07/11/2010, Đại hội cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 99,126 tỷ đồng lên 401,452 tỷ đồng tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 31/NQ-DHCDT/2010.
- Ngày 30/12/2010, Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp cho Sao Mai Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 771/UBCK-GCN.
- Ngày 16/3/2011, hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 99,126 tỷ đồng lên 397,362 tỷ đồng.
- Ngày 29/4/2011, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định số 52/2011/QĐ-SGDHCM chấp thuận cho Sao Mai được niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
- Ngày 26/5/2011, chính thức giao dịch số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 10/12/2013, hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn 397,36 tỷ lên 476,83 tỷ để trả cổ tức năm 2011
- Ngày 17/01/2014, Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh đã có quyết định số 52/2011/QĐ-SGDHCM chấp thuận cho Sao Mai được niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm
- Ngày 21/01/2014, chính thức giao dịch số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 29/8/2014, UBCK cấp cho Sao Mai Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 67/GCN-UBCK.
- Ngày 01/10/2014, hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn 476,83 tỷ lên 572,20 tỷ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Ngày 24/10/2014, Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh ra quyết định số 411/QĐ-SGDHCM chấp thuận cho Sao Mai được niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
- Ngày 28/10/2014, chính thức giao dịch số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày 24/11/2014, hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn 572,20 tỷ lên 1.072 tỷ đồng.
- Ngày 04/12/2014, Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh ra quyết định số 478/QĐ-SGDHCM chấp thuận cho Sao Mai được niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
- Ngày 08/12/2014, chính thức giao dịch số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh



BẢNG TÓM TẮT QUÁ TRÌNH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Ngày				
	ĐHCD đã thông qua phương án phát hành	UBCK đã cấp Giấy chứng nhận chào bán	ASM báo cáo hoàn tất phát hành	HSX cấp Giấy chứng nhận niêm yết bổ sung	HSX thông báo ASM chính thức giao dịch
99,12				24/12/2009	18/01/2010
397,36	07/11/2010	30/12/2010	16/03/2011	29/04/2011	26/05/2011
476,83	14/09/2013		10/12/2013	17/01/2014	21/01/2014
572,20	17/05/2014	29/08/2014	01/10/2014	24/10/2014	28/10/2014
1.072,87	17/05/2014	29/08/2014	24/11/2014	04/12/2014	08/12/2014

3. Các sự kiện khác:

Với những tiến bộ và thành quả đạt được trong quá trình phát triển, Tập đoàn Sao Mai ngày càng khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường và đã được vinh dự trao tặng nhiều giải thưởng uy tín:

BẢNG TÓM TẮT MỘT SỐ THÀNH TÍCH 5 NĂM

Thời gian	Đơn vị trao tặng	Thành tích
Năm 2010	UBND tỉnh An Giang	Có thành tích xuất sắc trong việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tham gia phong trào thi đua của tỉnh.
	UBND tỉnh An Giang	Đơn vị thi đua xuất sắc.
	UBND tỉnh An Giang	Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Trong đó có 15 Đảng viên được tặng bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị, kinh tế xã hội.
Năm 2011	Thủ Tướng Chính Phủ	Thành tích 5 năm thực hiện tốt công tác xã hội, từ thiện.
	Bộ Tài Chính	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đóng thuế nhà nước.
	UBND tỉnh An Giang	Doanh nghiệp tiêu biểu có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.
	UBND tỉnh An Giang	Đơn vị thi đua xuất sắc.
	UBND tỉnh An Giang	Danh hiệu “Doanh nghiệp văn hóa”.
	Ban tổ chức Trung ương, Ban tuyên giáo Trung ương, Tạp chí cộng sản	Danh hiệu “Tổ chức Đảng bộ tiêu biểu toàn quốc”.
	Thời báo kinh tế Việt Nam	Danh hiệu “Thương hiệu mạnh Việt Nam”.

	Nhịp cầu Đầu tư	TOP 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam theo Quyết định số 05/NCĐT- 1/6/2011
Năm 2012	Bộ Trưởng Bộ Công an	Xuất sắc trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc 2011 theo Quyết định số 219/QĐ-BCA, ngày 10/01/2012.
	UBND tỉnh An Giang	Xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển KT -XH năm 2011 theo Quyết định số 109/QĐ-UBND, ngày 17/4/2012.
	UBND tỉnh An Giang	Xuất sắc trong cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh năm 2009 – 2010 theo Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 12/7/2012.
Năm 2013	Thủ tướng Chính phủ	Có thành tích trong công tác Xã hội từ thiện năm 2008 đến 2012, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc cho cá nhân ông Lê Thanh Thuần theo Quyết định số 2399/QĐ-TTg ngày 9/12/2013.
	UBND tỉnh An Giang	Có thành tích trong tổ chức, thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở năm 2012 theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 29/3/2013.
	Ban Chấp Hành Đoàn Khối Doanh nghiệp tỉnh An Giang	Đạt “Vững mạnh toàn diện” trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm 2013 cho tập thể Đoàn viên thanh niên Đoàn cơ sở Công ty CP Đầu tư và xây dựng Sao Mai An Giang theo quyết định số 38-QĐ/ĐKDN ngày 22/11/2013.
	Liên Đoàn Lao Động tỉnh An Giang	Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc năm 2012 theo quyết định số 14/QĐ-LĐLĐ ngày 15/1/2013.
Năm 2014	Đoàn khối Doanh nghiệp tỉnh An Giang	Đạt tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh năm 2013 Quyết định số 2238/- QĐ /ĐUK ngày 25/2/2014 về thành tích .
	UBND tỉnh An Giang	Xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển KT-XH tỉnh An giang năm 2013 theo Quyết định 97/QĐ-UBND ngày 28/3/2014
	Vietnam Report & VietnamNet	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam





Lễ trao giải Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam



Ông Hồ Việt Hiệp – Phó chủ tịch UBND Tỉnh An Giang trao bằng khen của Thủ tướng chính phủ cho Ông Lê Thanh Thuận Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

1. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; San lấp mặt bằng; Xây lắp điện nước;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, khai thác cát, sỏi; Sản xuất bột ma tít; Sản xuất mua bán trầm xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, nhà nghỉ dưỡng lão, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, kinh doanh phòng hát karaoke; Dịch vụ ăn uống, giải khát, các dịch vụ du lịch, dịch vụ massage; Dịch vụ và kinh doanh điện năng;
- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, làm lạnh, kho lạnh, điều hòa trung tâm; Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động; Lắp đặt hệ thống bơm ống nước, điều hòa không khí; Lắp đặt các thiết bị điện lạnh, cơ điện lạnh và kho lạnh nhà máy thủy sản;
- Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh); Mua bán linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển;
- Nuôi trồng, chế biến thủy sản; mua bán cá và thủy sản;
- Đào tạo nghề và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Đại lý đổi ngoại tệ.

Trong đó, ngành nghề mang lại thu nhập chính là **kinh doanh bất động sản, thủy sản và dịch vụ.**

2. Địa bàn hoạt động:

Địa bàn kinh doanh của Sao Mai chủ yếu tập trung ở các tỉnh, thành: An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bến Tre, Tiền Giang, Bà Rịa Vũng Tàu, Hòa Bình, Thanh Hóa, Tp Hồ Chí Minh,...



Lễ khởi công khu nhà ở Sao Mai tại Tân Hiệp Kiên Giang

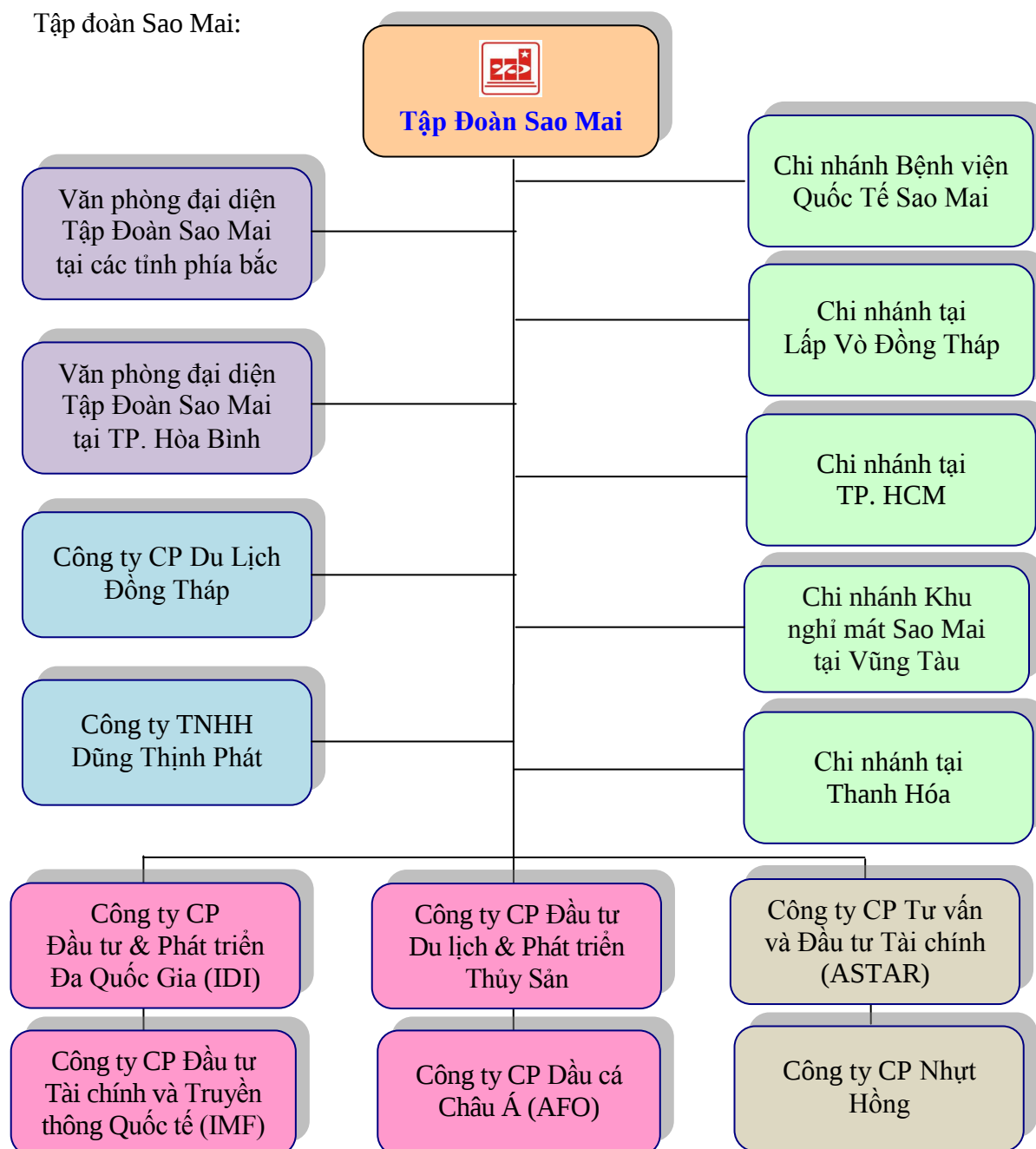
IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị Tập đoàn Sao Mai bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Tập đoàn được xây dựng trên nguyên tắc phân công quản lý công việc theo các bộ phận chức năng. Tổng Giám đốc sẽ điều hành, quản lý thông qua việc phân cấp, phân quyền cho các Trưởng phòng để trực tiếp giải quyết công việc của từng phòng.

2. Cơ cấu tổ chức

Từ một trụ sở chính tại số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang, đến nay Tập đoàn Sao Mai đã xây dựng được một hệ thống gồm 2 văn phòng đại diện, 5 chi nhánh, 2 công ty con, 4 công ty liên kết, 2 công ty góp vốn. Sơ đồ tổ chức của Tập đoàn Sao Mai:





**CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ
TRONG TẬP ĐOÀN SAO MAI**

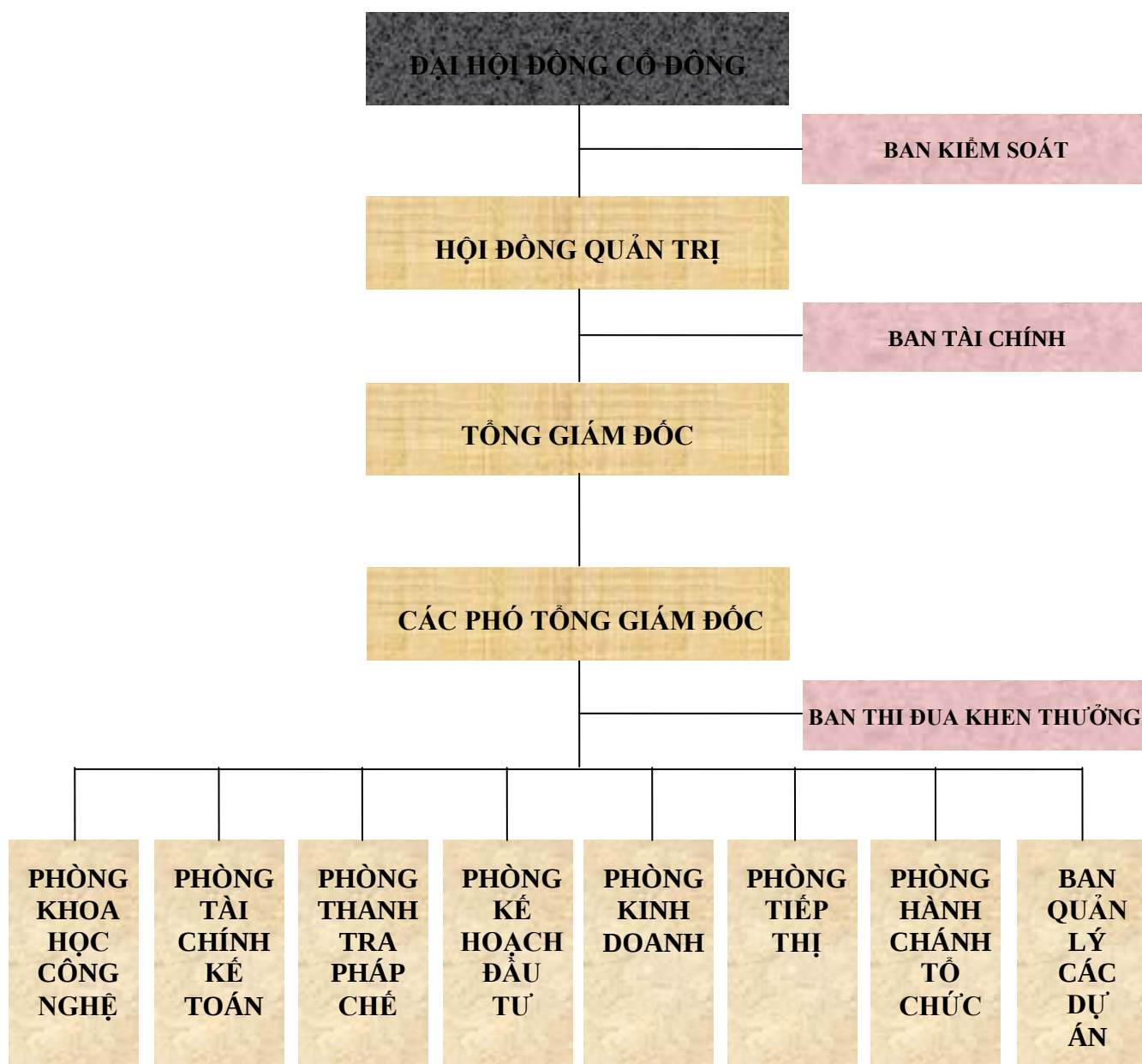
Stt	Đơn vị	Địa chỉ	Chức năng, nhiệm vụ hoạt động
01	Trụ sở chính Tập đoàn Sao Mai.	326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Là trung tâm điều phối toàn bộ hoạt động của Tập đoàn Sao Mai. Sàn giao dịch bất động sản.
02	Văn phòng đại diện Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh phía bắc	Nhà C và D – 9 Đường Phạm Hùng, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội	Quản lý các công trình do Tập Đoàn Sao Mai triển khai tại địa phương. Điểm giao dịch mua bán bất động sản.
03	Văn phòng đại diện Tập đoàn Sao Mai tại TP. Hòa Bình	Số 151 Tổ 5A, P.Phương Lâm, TP.Hòa Bình	
04	Chi nhánh tại TP. HCM	Số 09 Nguyễn Kim, P.9, Q.5, TP.HCM	
05	Chi nhánh tại Thanh Hóa.	Khu đô thị mới Sao Mai tại QL 47, xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	
06	Chi nhánh tại Lấp Vò Đồng Tháp	QL 80, Cụm CN Vàm Cống, Ấp An Thạnh, xã Bình Thành, H.Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	
07	Chi nhánh Khu nghỉ mát Sao Mai tại Vũng Tàu.	Km 47, QL 51, Thôn Song Vĩnh, Xã Tân Phước, H. Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Quản lý các công trình Bệnh viện do Tập đoàn Sao Mai triển khai.
08	Chi nhánh Bệnh viện Quốc Tế Sao Mai	325/1 Hẻm Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang	
09	Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Số 02, Đốc Binh Kiều, Phường 2, TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp	



Stt	Đơn vị	Địa chỉ	Chức năng, nhiệm vụ hoạt động
			động, xây dựng nhà, công trình kỹ thuật dân dụng khác, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản, kinh doanh bất động sản....
10	Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	09 Nguyễn Kim, phường 12, quận 5, TP. HCM.	Quản lý và khai thác dự án Sao Mai Tower - Tổ hợp chung cư cao cấp và văn phòng cho thuê tại phường 16, quận 8, TP. HCM.
11	Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản.	Huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, san lấp mặt bằng. Nuôi trồng, sản xuất, mua bán thủy sản, thức ăn thủy sản. Đầu tư kinh doanh khu biệt thự sinh thái, khu vui chơi, giải trí.
12	Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đa Quốc Gia.	Huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh nhà. Nuôi trồng, sản xuất, mua bán thủy sản, thức ăn thủy sản.
13	Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư tài chính (ASTAR)	số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Kinh doanh bất động sản; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
14	Công ty cổ phần Đầu tư tài chính và truyền thông Quốc tế (IMF)	Khóm Xuân Hòa, Thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, An Giang	Phụ trách mảng truyền thông cho Sao Mai; Khai thác và kinh doanh khoáng sản.
15	Công ty cổ phần Dầu cá Châu Á (AFO)	QL 80, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác quặng sắt, sản xuất sắt, thép, gang; Kinh doanh bất động sản; SX dầu, mỡ động, thực vật; Buôn bán thành phẩm thủy sản và thủy sản đã qua chế biến, dầu, mỡ động, thực vật.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

BỘ MÁY QUẢN LÝ



**Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban:****3.1. Hội đồng quản trị Sao Mai:**

- HĐQT được ĐHĐCĐ bầu ra gồm 06 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn Sao Mai quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám đốc.
- HĐQT của Tập đoàn Sao Mai nhiệm kỳ 2010 – 2015 gồm:
 - Ông Lê Thanh Thuận Chủ tịch
 - Ông Nguyễn Văn Hưng Phó chủ tịch
 - Ông Lê Văn Chung Thành viên
 - Ông Lê Xuân Quế Thành viên
 - Ông Lê Văn Thủy Thành viên
 - Bà Võ Thị Hồng Tâm Thành viên

3.2. Ban kiểm soát:

- Là cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Tập đoàn. BKS gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.
- BKS của Sao Mai nhiệm kỳ 2010 – 2015 gồm:
 - Ông Trương Công Khánh Trưởng Ban.
 - Bà Lê Thị Tính Ủy viên.
 - Ông Lê Thanh Hảnh Ủy viên.

3.3. Ban tài chính:

- Ban Tài chính của Tập đoàn Sao Mai gồm 06 thành viên và chịu sự quản lý trực tiếp của HĐQT.
- Ban Tài chính có nhiệm vụ giúp HĐQT kiểm tra, giám sát, hoạch định và khai thác các nguồn tài chính nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

3.4. Ban Tổng Giám đốc:

- Ban Giám đốc của Tập đoàn Sao Mai có 9 thành viên gồm Tổng Giám đốc, 6 Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn theo các mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua.
- Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- Để việc điều hành có hiệu quả, Tổng Giám đốc sẽ căn cứ và khả năng chuyên môn và năng lực quản lý của từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định.



- Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn Sao Mai hiện nay gồm có:
 - Ông Lê Thanh Thuận Tổng Giám đốc.
 - Ông Nguyễn Văn Hưng Phó Tổng Giám đốc.
 - Ông Trương Vĩnh Thành Phó Tổng Giám đốc.
 - Ông Lê Văn Chung Phó Tổng Giám đốc.
 - Ông Lê Xuân Quế Phó Tổng Giám đốc.
 - Ông Lê Văn Lâm Phó Tổng Giám đốc.
 - Bà Lê Thị Nguyệt Thu Phó Tổng Giám Đốc
 - Ông Nguyễn Hoàng Sang Giám đốc tài chính.
 - Bà Lê Thị Phụng Kế toán trưởng.

3.5. Phòng Kế hoạch Đầu tư:

- Lập dự án, quản lý và điều hành các dự án đầu tư từ khi dự án được hình thành đến khi dự án được bàn giao khai thác.
- Lập ra kế hoạch dài hạn và ngắn hạn để từ đó hoạch định chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình của Tập đoàn.

3.6. Phòng Kinh doanh – Quản lý tài sản nhà đất và trước bạ:

- Tổ chức bán hàng, tiêu thụ sản phẩm dịch vụ của Tập đoàn Sao Mai.
- Phản hồi các thông tin từ khách hàng lên Ban Tổng Giám đốc để điều chỉnh chính sách thích hợp.
- Thực hiện thống kê hàng hóa tồn kho, quản lý toàn bộ tài sản của Tập đoàn Sao Mai trước và sau khi đầu tư.
- Nghiên cứu và hoạch định các chiến lược, các loại hình kinh doanh.
- Thực hiện các thủ tục về nhà đất và bất động sản cho khách hàng, tổ chức bán hàng và thu hồi công nợ cho Tập đoàn Sao Mai.
- Phối hợp thực hiện thủ tục đầu tư các dự án, thanh và quyết toán các hợp đồng kinh tế, hợp đồng liên doanh của Tập đoàn.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về các chính sách đất đai.

3.7. Phòng Tiếp thị và Chăm sóc khách hàng:

- Chịu trách nhiệm quảng bá thông tin liên quan đến Tập đoàn Sao Mai và các dự án của Tập đoàn Sao Mai đến khách hàng thông qua các phương tiện truyền thông.
- Chủ động tìm kiếm, tiếp xúc với khách hàng để giới thiệu về sản phẩm và dịch vụ của Tập đoàn, đồng thời hướng dẫn thực hiện các thủ tục mua bán cho khách hàng, phối hợp với phòng kinh doanh hoàn tất quy trình mua bán.
- Thực hiện khảo sát, thăm dò nhu cầu khách hàng và thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường.
- Giải đáp các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
- Thống kê lưu trữ hồ sơ và thông tin khách hàng.



3.8. Phòng Tài chính Kế toán:

- Tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Tổng Giám đốc trong các hoạt động tài chính, quản lý tài sản và các dự án đầu tư của Tập đoàn Sao Mai.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh tế, tính toán nguồn vốn cho các hoạt động kinh tế của đơn vị.
- Đảm bảo việc hạch toán sổ sách Tập đoàn Sao Mai theo các chuẩn mực kế toán hiện hành, phối hợp thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế, hợp đồng thi công của Công ty với khách hàng.
- Phân tích và kiểm soát hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư.
- Quản lý việc sử dụng và phối hợp các phòng ban giải quyết công nợ khách hàng.

3.9. Phòng Tổ chức hành chính:

- Phụ trách các hoạt động về lễ tân, tiếp khách của Tập đoàn Sao Mai;
- Quản lý và lưu hồ sơ Tập đoàn.
- Chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

3.10. Phòng Thanh tra pháp chế:

- Quản lý và soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Tiếp nhận và phối hợp giải quyết các vướng mắc của khách hàng và nội bộ Công ty trên cơ sở thấu tình đạt lý. Duy trì các biện pháp bảo vệ nội bộ, bảo mật thông tin đúng quy định Tập đoàn và Pháp luật.
- Xử lý những tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh. Ngăn ngừa những sai phạm trong các Hợp đồng kinh tế để giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.

3.11. Các Ban quản lý dự án:

- Trực tiếp theo dõi đơn đốc quản lý chất lượng đầu tư dự án, hỗ trợ cho phòng Đầu tư quản lý dự án hiệu quả.
- Thay mặt Tổng Giám đốc giải quyết những vướng mắc trong quá trình đầu tư.
- Trực tiếp khai thác dự án sau đầu tư.

3.12. Phòng Khoa học Công nghệ thông tin:

- Thực hiện các nghiệp vụ về khoa học công nghệ thông tin.
- Quản lý thông tin, công bố thông tin trên hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng (chủ yếu là thông qua website của Tập đoàn).
- Cầu nối thông tin từ Lãnh đạo Tập đoàn Sao Mai đến các bộ phận, đơn vị trực thuộc, cổ đông và ngược lại.
- Nhận và phản hồi thông tin một cách nhanh chóng, chính xác mọi hoạt động của Tập đoàn Sao Mai, Ban Lãnh đạo, các phòng ban, các dự án... và giải quyết các vấn đề về xã hội có liên quan hoặc ảnh hưởng tới Công ty.



Buổi họp mặt đầu năm của Tập đoàn Sao Mai ngày 06/03/2015

4. Các công ty con, công ty liên kết:

4.1. Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát:

- Hình thức : Công ty con.
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : Số 09 Nguyễn Kim, phường 12, quận 5, TP. HCM.
- Thành lập ngày : 22/5/2006 theo giấy CNĐKKD số 4102039604. Đăng ký thay đổi lần 4 theo giấy CNĐKKD số 0304407453 ngày 24/5/2010 do Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Văn Sơn.
- Ngành nghề kinh doanh : Xây dựng công nghiệp dân dụng, công nghiệp.
- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn đã góp vào Dũng Thịnh Phát (VND)	Tỷ lệ (%)
50.000.000.000	33.000.000.000	66,00

4.2 Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp:



- Hình thức : Công ty con.
- Vốn điều lệ : 25.551.260.000 đồng.
- Địa chỉ : Số 02, Đốc Binh Kiều, Phường 2, TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : Giấy chứng nhận đăng ký số 1400355383, cấp lần đầu ngày 07/02/2006. Đăng ký thay đổi lần 14 ngày 20/11/2014 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.
- Đại diện theo pháp luật : Bà Nguyễn Thị Nga.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
 - Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
 - Vận chuyển khách du lịch, khách theo hợp đồng đường bộ;
 - Đại lý bán vé máy bay;
 - Đại lý và mua bán các loại xe mô tô;
 - Mua bán điện thoại di động và các mặt hàng điện tử;
 - Mua bán thực phẩm;
 - Kinh doanh dịch vụ nhà hàng;
 - Mua bán rượu bia, nước giải khát;

- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
- Đào tạo nghề ngắn hạn (bàn, buồng, bếp);
- Mua bán các mặt hàng nông sản;
- Tổ chức sự kiện, kinh doanh karaoke;
- Dịch vụ massage;
- Bar café

Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã góp vào Du lịch Đồng Tháp (VND)	Tỷ lệ (%)
25.551.260.000	20.047.729.800	63,54

4.3. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia – IDI:



- Hình thức sở hữu : Công ty liên kết.
- Vốn điều lệ : 855.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : 15/7/2003 theo Giấy CNĐKKD số 0303141296 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Đăng ký thay đổi lần 13, ngày 04/02/2015 tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Văn Chung.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại TP.HCM).
 - Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Mua bán, chế biến thủy hải sản (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở).
 - Nuôi trồng thủy sản (không nuôi trồng tại trụ sở). Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).
 - Kinh doanh bất động sản.
 - Sản xuất bao bì nhựa – giấy, nước đóng chai (không sản xuất tại trụ sở).
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã góp vào IDI (VND)	Tỷ lệ (%)
456.000.000.000	111.211.790.000	24,65

4.4. Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco):



- Hình thức : Công ty liên kết.
- Vốn điều lệ : 380.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : 15/3/2008 theo giấy CNĐKKD số 1600895650 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp. Đăng ký thay đổi lần 13 ngày 05/02/2015 tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Chính.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - San lấp mặt bằng.
 - Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
 - Khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng.
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, giải khát.
 - Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã góp vào Trisedco (VND)	Tỷ lệ (%)
380.000.000.000	162.000.000.000	42,63%

4.5. Công ty cổ phần Đầu tư tài chính và truyền thông Quốc tế (IMF):



- Hình thức : Công ty liên kết.
- Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : Lô 10 đường số 06, Khu đô thị Sao Mai, Thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, An Giang.
- Thành lập ngày : 18/8/2010 theo giấy CNĐKKD số 1601388847 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp. Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 20/06/2012 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Tiên Ngừ – Giám đốc.

- Ngành nghề kinh doanh :
 - Tổ chức sự kiện, tổ chức hậu kỳ.
 - Quảng cáo thương mại.
 - Mua bán lương thực.
 - Khai thác và kinh doanh khoáng sản.
 - Đầu tư tài chính các doanh nghiệp và cá nhân,....
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã góp vào IMF (VND)	Tỷ lệ (%)
10.000.000.000	3.110.000.000	31,60

4.6. Công ty cổ phần Dầu cá Châu Á (AFO):



- Hình thức : Công ty liên kết.
- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : QL 80, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : 02/7/2010 theo giấy CNĐKKD số 1401274641 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Đăng ký thay đổi lần 7 ngày 31/12/2014 Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Xuân Quế – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
 - Khai thác quặng sắt, sản xuất sắt, thép, gang.
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
 - Kinh doanh bất động sản.
 - Nuôi trồng thủy sản
 - Sản xuất thức ăn
 - Sản xuất chế biến thực phẩm
 - Buôn bán thực phẩm, thủy sản và thủy sản đã qua chế biến, dầu mỡ động, thực vật.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã góp vào AFO (VND)	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	24.000.000.000	20,00

4.7. Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư tài chính (ASTAR):

- Hình thức : Công ty liên kết.
- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang.
- Thành lập ngày : 12/10/2000 theo giấy CNĐKKD số 1600583700 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp. Đăng ký thay đổi lần 9 ngày 14/7/2011 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Bùi Cao Cường – Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
 - Kinh doanh bất động sản.
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
 - Khai thác quặng kim loại quý hiếm.
 - Kinh doanh, đầu tư tài chính các doanh nghiệp và cá nhân (không bao gồm các hoạt động cho thuê tài chính, tiền tệ, tín dụng, huy động vốn).
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã góp vào Astar (VND)	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	7.940.000.000	6,62

4.8. Công ty cổ phần Nhựt Hồng:

- Hình thức : Công ty liên kết.
- Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : Số 177C, đường Cách mạng tháng 8, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.
- Thành lập ngày : 12/08/2003 theo giấy CNĐKKD số 3600648648 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/09/2012 Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện theo pháp luật : Lê Thị Nguyệt Thu – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu.

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- Buôn bán vật liệu xây dựng
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

▪ Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã góp vào Nhật Hồng (VND)	Tỷ lệ (%)
80.000.000.000	15.000.000.000	18,75



V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Các mục tiêu chủ yếu của Tập đoàn

- Phân đầu phát triển Tập đoàn trở thành Tập đoàn vững mạnh, kinh doanh đa ngành nghề, đa dạng hóa đầu tư bằng cách hình thành công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tuy nhiên, vẫn đảm bảo ưu tiên phát triển mảng bất động sản, với trụ cột chính là phát triển khu đô thị, phát triển nhà ở và Khu thương mại.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị Công ty mẹ và các đơn vị thành viên, từng bước tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của các công ty con trong Tập đoàn, phù hợp với định hướng và mục tiêu phát triển của Tập đoàn, đáp ứng các yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới.
- Phân đầu tăng trưởng vốn chủ sở hữu, đảm bảo đáp ứng yêu cầu đầu tư và phát triển.
- Xây dựng thương hiệu TẬP ĐOÀN SAO MAI bền vững và uy tín.
- Đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi, ổn định mức cổ tức hàng năm, nâng cao thu nhập cho người lao động;
- Đẩy mạnh mối quan hệ với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần vào sự phát triển của Tập đoàn

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Với những mục tiêu nêu trên thì chiến lược phát triển trung, dài hạn của Tập đoàn sẽ tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

2.1. Về bộ máy, nhân sự:

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, tạo điều kiện và cơ hội phát triển cho tất cả nhân viên;
- Xây dựng chế độ tiền lương, thưởng và phụ cấp phù hợp hơn để động viên, khuyến khích người lao động hăng say làm việc và gắn bó lâu dài với Tập đoàn. Từ năm 2013, Tập đoàn đã áp dụng khoán lương theo sản phẩm cho bộ phận kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả công việc ở bộ phận này và đang tiếp tục xem xét khoán lương ở những bộ phận khác sao cho phù hợp với tình hình hoạt động của Tập đoàn;
- Tiếp tục đưa cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài, phát triển nguồn nhân lực theo hướng kế thừa và tổ chức các lớp học để nâng cao tay nghề cho công nhân;
- Cơ cấu sắp xếp lại nguồn nhân lực đảm bảo tính gọn nhẹ, phát huy tối đa năng lực trí tuệ và nâng cao trách nhiệm người lao động
- Cùng cố nâng cao công tác quản trị Tập đoàn, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Tập đoàn. Hoàn thiện Ban tài chính giúp Hội đồng quản trị trong việc huy động nguồn vốn để đầu tư các dự án và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn;
- Tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, tổ chức đoàn thể giúp Tập đoàn vượt qua những khó khăn, thách thức để hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

2.2. Về đầu tư, kinh doanh:

- Phát huy các thế mạnh sẵn có về năng lực, vị trí địa lý;

- Phát triển từng bước bền vững, hỗ trợ các công ty liên kết thông qua việc cung cấp thức ăn thủy sản cho vùng nuôi để đầu tư theo mô hình khép kín; nghiên cứu đầu tư phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao.
- Hỗ trợ Công ty cổ phần đầu tư & phát triển Đa Quốc Gia đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản để làm tăng giá trị gia tăng các sản phẩm từ thủy sản.
- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ du lịch, kinh doanh nhà hàng khách sạn.
- Phát triển lĩnh vực y tế thông qua việc đầu tư bệnh viện Quốc tế Sao Mai.
- Năm 2015 ASM hoàn thành tái cơ cấu các công ty con, công ty liên doanh, liên kết nhằm hoạt động có hiệu quả hơn. Đồng thời, thoái vốn đối với một số công ty mà Tập đoàn nhận thấy không cần thiết nắm giữ.
- Duy trì mối quan hệ với các tổ chức tài chính hiện tại, đồng thời tìm kiếm, tiếp xúc với các tổ chức, định chế tài chính mới nhằm thu hút nguồn vốn và mở rộng ngành nghề kinh doanh.

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Tập đoàn

- Tập đoàn Sao Mai luôn hướng đến mục tiêu bảo vệ môi trường, xây dựng môi trường sống xanh, sạch, đẹp. Luôn chấp hành tốt quy trình xử lý nước thải trong sản xuất. Đảm bảo an toàn lao động cho người công nhân.
- Công ty luôn nhận định, chiến lược phát triển của Tập đoàn Sao Mai luôn đi kèm với việc thực hiện tốt công tác xã hội từ thiện. Vì vậy, trong thời gian tới Tập đoàn vẫn tiếp tục quan tâm chia sẻ một phần lợi nhuận của mình cho những hoạt động mà công ty đã gắn bó trong thời gian qua như: Đóng góp quỹ từ thiện vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa và quỹ môi sinh học đường; Tặng nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo ở địa phương; Tham gia chương trình ăn tết với người nghèo, trẻ em cơ nhỡ, những gia đình khó khăn ở các vùng bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh,...



VI. CÁC RỦI RO

Tập đoàn Sao Mai luôn xác định Quản trị rủi ro là hoạt động gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu các rủi ro có thể gặp, Tập đoàn đã xây dựng chiến lược quản lý rủi ro nhằm tăng lợi thế cạnh tranh, đảm bảo kinh doanh hiệu quả nhất. Các biện pháp quản lý rủi ro như sau:

1. Rủi ro kinh doanh

Biến động về giá bán tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Do đó Sao Mai luôn có chính sách giá bán linh hoạt, điều chỉnh đúng lúc, phù hợp với tình hình thị trường từng thời điểm.

2. Rủi ro trong hoạt động sản xuất

Trong sản xuất sản phẩm, thì chi phí nguyên vật liệu thường chiếm trên 80% giá thành sản phẩm, mà giá cả nguyên vật liệu lâu nay luôn biến động thất thường theo chiều hướng tăng, dẫn đến giá thành sản phẩm cũng tăng theo đã làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Đặc biệt, lĩnh vực bất động sản yếu tố chi phí bồi hoàn đất có biên độ tăng lớn, cụ thể giá đất từ lúc triển khai đến khi kết thúc bồi hoàn luôn chênh lệch rất cao (gấp 5-6 lần) mặc cho thị trường bất động sản đang trầm lắng. Chính vì vậy, Sao Mai rất chú trọng đến việc xây dựng phương án bồi hoàn và lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện nên phần nào hạn chế được rủi ro về giá bồi hoàn, đối với các khoản chi phí khác công ty cũng xây dựng định mức hợp lý và có biện pháp kiểm tra, giám sát chặt chẽ nhằm nâng cao hiệu quả cho doanh nghiệp.

3. Rủi ro tài chính

Giống như những công ty khác, Sao Mai cũng chịu rủi ro biến động tỷ giá, lãi suất và thanh toán...

- Hiện nay phần lớn các ngân hàng khi cho vay đều áp dụng lãi suất thả nổi nên dư nợ vay của công ty cũng tính theo lãi suất tại từng thời điểm nhận nợ. Vì vậy, nếu lãi suất tăng sẽ làm tăng chi phí tài chính và ảnh hưởng kết quả kinh doanh của công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro về lãi suất, công ty lựa chọn những tổ chức tín dụng lớn có mức lãi suất cho vay thấp và ổn định để vay, kết hợp với việc sử dụng vốn vay đúng mục đích và hiệu quả.
- Về tỷ giá, biến động tỷ giá cũng có ảnh hưởng đến doanh thu tài chính của Tập đoàn. Tuy nhiên rủi ro này được giảm thiểu vì Tập đoàn chỉ có hoạt động xuất khẩu, không có nhập khẩu.
- Về rủi ro thanh toán, việc mất cân đối thu chi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Tập đoàn, có thể dẫn đến ngừng sản xuất, các khoản vay thanh toán không đúng hạn. Vì vậy, Tập đoàn luôn quan tâm đến việc cân đối các nguồn sao cho an toàn và hiệu quả.

4. Rủi ro thay đổi chính sách

Là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản, bất động sản, đã niêm yết cổ phần nên Tập đoàn chịu chi phối bởi luật doanh nghiệp, luật đất đai, luật kinh doanh bất động sản, luật thủy sản, luật chứng khoán... Các văn bản luật này đang trong quá trình hoàn

thiện dẫn đến thay đổi liên tục. Việc thay đổi này ít nhiều cũng ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, sản xuất, kinh doanh,... của Tập đoàn. Do đó Tập đoàn thường xuyên cập nhật các văn bản luật mới nhằm giảm thiểu rủi ro về thay đổi chính sách có ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.



Phối cảnh nhà mẫu tại Khu đô thị cao cấp Sao Mai Bình Khánh 3



Khu resort Sao Mai Vũng Tàu



Bí thư tỉnh ủy An Giang thăm Tập đoàn Sao Mai



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tình hình chung

Năm 2014, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã có những chuyển biến tích cực. Đặc biệt thị trường bất động sản đã có nhiều dấu hiệu ấm dần và hấp dẫn hơn so với năm 2013. Đây là cơ hội để Tập đoàn Sao Mai thực hiện chiến lược kinh doanh của mình. Để thực hiện được điều này, việc huy động thêm vốn là hết sức cần thiết, đặc biệt là huy động từ cổ đông của Tập đoàn. Chính vì thế, năm 2014 HĐQT Tập đoàn đã mạnh trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 476 tỷ đồng lên 1.072 tỷ đồng. Được sự ủng hộ của các cổ đông nên việc phát hành diễn ra thuận lợi và thành công ngoài mong đợi, với tổng số tiền thu về từ đợt phát hành hơn 500 tỷ đồng.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Trên cơ sở số tiền thu được từ đợt phát hành Tập đoàn đã tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành một số dự án bất động sản đang dở dang có tỷ suất sinh lợi cao, thu hồi vốn nhanh. Phần còn lại dùng để cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn kinh doanh. Nhờ đáp ứng nguồn vốn kịp thời nên hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 của Sao Mai diễn ra thuận lợi với kết quả đạt được như sau:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Lĩnh vực kinh doanh				Tổng
	Bất động sản	Thương mại	Dịch vụ	Xây dựng	
Doanh thu	238.974	908.292	10.256	49.654	1.207.175
Giá vốn	99.424	862.748	11.262	28.435	1.001.870
Lợi nhuận gộp	139.549	45.543	-1.006	21.219	205.305

3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014 (BCTC hợp nhất)	TH/KH (%)
1. Doanh thu thuần	1.300,00	1.199,29	92%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	80,00	89,15	111%
3. Vốn điều lệ	1.072	1.072	100%

Tuy doanh thu chỉ đạt được 92% so với kế hoạch, nhưng lợi nhuận lại tăng 11% so với kế hoạch. Nhìn chung doanh thu trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và xây dựng có dao động tăng giảm so với năm 2013 nhưng không đáng kể. Bất động sản trong năm 2014 có tín hiệu khả quan hơn những năm trước, điều này dễ thấy khi đạt 237% so với năm 2013 và 101,39% so với kế hoạch.

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Tóm tắt lý lịch Ban điều hành

	Ông Lê Thanh Thuần sinh ngày 10/03/1958 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa. Tốt nghiệp là kỹ sư xây dựng, từ năm 1977, ông Thuần làm việc tại Sở xây dựng An Giang. Từ năm 1979, Ông là cán bộ của Sở quản lý nhà đất An Giang. Năm 1982, ông Thuần được bổ nhiệm làm Chánh văn phòng Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước An Giang. Sau đó, Ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty Liên doanh Kiến trúc An Giang vào năm 1986.
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai.	Từ năm 1992, ông Thuần được cử làm Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Xây dựng Miền Tây, Bộ Xây Dựng. Đến năm 1997, Ông thành lập và điều hành Công CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang (nay là Tập đoàn Sao Mai)
Hiện tại, Ông Thuần đang giữ chức Tổng Giám đốc kiêm Bí thư Đảng bộ của Tập đoàn Sao Mai. Với kinh nghiệm hơn 30 năm công tác trong ngành xây dựng và hơn 15 năm tổ chức và điều hành Tập đoàn Sao Mai, đến nay ông Thuần là một trong những cổ đông lớn sở hữu 10.590.096 cổ phần, tương đương nắm giữ 9,87% vốn điều lệ của Tập đoàn Sao Mai.	

Ông Nguyễn Văn Hưng sinh ngày 18/05/1954 tại Đồng Tháp. Sau khi tốt nghiệp Trung cấp xây dựng, Ông được nhận công tác tại Phòng chính trị Tỉnh đội An Giang từ năm 1975. Từ năm 1989, Ông được bổ nhiệm làm Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang; Sau đó, ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Thanh tra Sở Thương mại Du lịch tỉnh An Giang từ năm 1995. Từ năm 1997, Ông Hưng tham gia góp vốn thành lập và điều hành Tập đoàn Sao Mai. Đến nay, với kinh nghiệm làm việc hơn 30 năm, ông Hưng đang giữ chức Phó chủ tịch HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai, giám sát, theo dõi và điều hành tất cả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Sao Mai.	 Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai
Ngoài ra, Ông cũng đang giữ các vị trí lãnh đạo khác như Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản. Hiện nay ông Hưng đang sở hữu 950.000 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,88 % vốn điều lệ.	



Thành viên HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám
đốc Tập đoàn Sao Mai

Ông Lê Văn Chung sinh năm 1964 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp trung cấp cơ khí, Ông công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.

Năm 1987, Ông Chung làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức. Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang và được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây vào năm 1994.

Sau đó, Ông Chung tham gia thành lập và điều hành Tập đoàn Sao Mai từ năm 1997, với số cổ phần nắm giữ là 1.646.000 cổ phần, tương đương 1,53 % vốn điều lệ của Tập đoàn Sao Mai.

Bên cạnh Tập đoàn Sao Mai, ông Chung cũng đang làm Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia. Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.

Ông Lê Xuân Quế sinh năm 1968 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Từ năm 1992, Ông công tác tại xí nghiệp Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng sau khi tốt nghiệp Cao đẳng xây dựng. Năm 1997, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp Phương Nam.

Đến năm 2003, Ông được mời về công tác tại Tập đoàn Sao Mai.

Trong quá trình công tác, Ông Quế cũng tham gia hoạt động thành lập và giữ các chức vụ quản trị các công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai như thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.



Thành viên HĐQT kiêm
Phó Tổng Giám đốc Tập
đoàn Sao Mai

Hiện nay ông Quế đang nắm giữ 580.000 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,54% vốn điều lệ.

	Ông Lê Văn Lâm sinh năm 1973 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Ông vào làm tại Tập đoàn Sao Mai từ năm 1999 và đảm nhiệm chức vụ Đội trưởng Đội xây dựng số 11 từ năm 1999 - 2002. Năm 2003 - 2006 Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Miền Đông Công ty Sao Mai. Từ năm 2006 - 2009 Phó Giám đốc Ban quản lý dự án Cụm Công nghiệp Vàm Cống - IDI. Từ năm 2010 đến tháng 09/2011 Phó Giám đốc, Giám đốc Nhà máy phụ phẩm Trisedco và Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco.
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai	Từ tháng 10/2011 đến nay là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai. Hiện Ông Lâm không nắm giữ cổ phần của Tập đoàn Sao Mai.

Ông Trương Vĩnh Thành sinh ngày 07/07/1977 ở Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định. Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng đại học Bách khoa TPHCM khóa 1994 - 1999. Từ năm 1999-2001: Phó phòng, trợ lý Giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Tập đoàn Sao Mai. Từ năm 2001-2004: Giám đốc Cty Tư vấn Thiết kế Diễn hình An Giang, trưởng phòng KCS, TP. Marketing Tập đoàn Sao Mai. Từ năm 2005-2007: TP Quản lý Đầu tư Tập đoàn Sao Mai kiêm P.Tổng Giám đốc Cty Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia. Năm 2008 - 2011: Tổng Giám đốc Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.	
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị Cty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, Thành viên hội đồng quản trị công ty Trisedco, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai. Hiện Ông Thành không nắm giữ cổ phần của Tập đoàn Sao Mai.	

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai

	Bà Lê Thị Nguyệt Thu sinh ngày: 16/11/1985 tại Tp. Long Xuyên, An Giang. Từ 01/03/2010 đến 12/07/2012 bà nắm giữ chức vụ Phó Giám đốc phát triển dự án tại Tp. Hồ Chí Minh. Từ 12/07/2012 đến 01/09/2014 bà được bổ nhiệm làm Trợ lý Chủ tịch HĐQT Từ 01/09/2014 đến nay, bà đảm nhiệm chức vụ Phó TGD Tập đoàn Sao Mai; Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai; Tổng Giám đốc Công ty Cp Nhựt Hồng; Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Dũng Thanh Phát.. Hiện nắm giữ 844.800 cổ phần của Sao Mai An Giang, tương đương 0,787% vốn điều lệ
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai	

Ông Nguyễn Hoàng Sang sinh năm 1976 tại An Giang. Sau khi tốt nghiệp trung cấp kế toán, Ông công tác tại Tập đoàn Sao Mai từ năm 2001. Năm 2002, ông Sang được bổ nhiệm làm kế toán Trưởng của Tập đoàn Sao Mai. Trong quá trình phát triển, ông Nguyễn Hoàng Sang tiếp tục được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Tài chính Công ty từ năm 2007, phụ trách chính đối với các vấn đề về tài chính – kế toán của Công ty. Hiện nay Ông Sang đang nắm giữ 18.480 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,017% vốn điều lệ.	 Giám đốc Tài chính Tập đoàn Sao Mai
---	---

 Kế toán trưởng	Bà Lê Thị Phụng sinh năm 1980 tại Thanh Hóa. Năm 2004, Bà công tác tại phòng kế toán của Tập đoàn Sao Mai sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế chuyên ngành kế toán. Từ năm 2007, bà Phụng được bổ nhiệm giữ chức Kế toán Trưởng của Tập đoàn Sao Mai. Ngoài công việc tại Tập đoàn Sao Mai, bà Phụng còn đảm nhận làm Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia. Hiện nay Bà Phụng đang nắm giữ 10.238 cổ phần của Tập
---	---

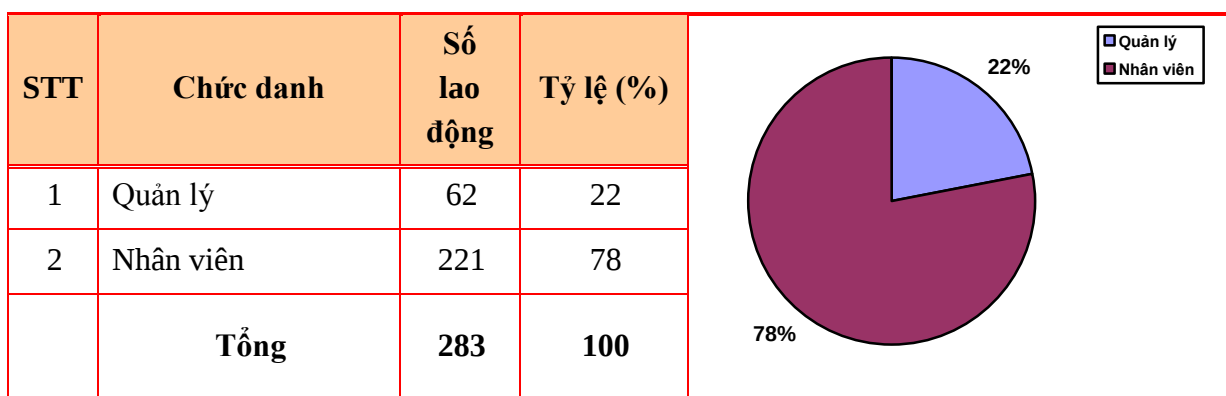
Tập đoàn Sao Mai	đoàn Sao Mai, tương đương 0,01% vốn điều lệ.
------------------	--

2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

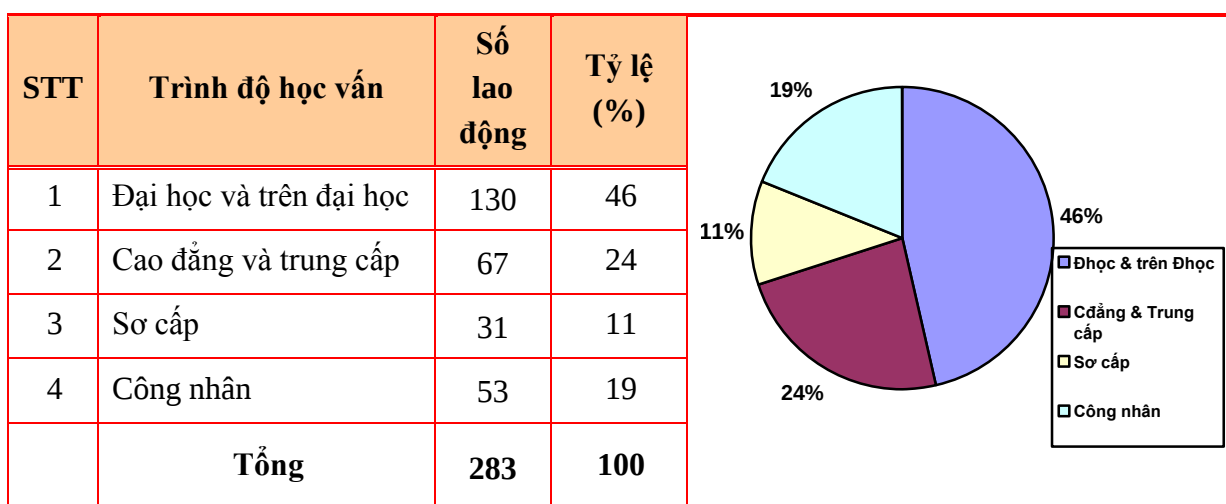
2.1 Số lượng và cơ cấu lao động:

Tổng số lao động của Tập đoàn Sao Mai tính bình quân năm 2014 là 283 người. Trong đó, cơ cấu lao động của Công ty như sau:

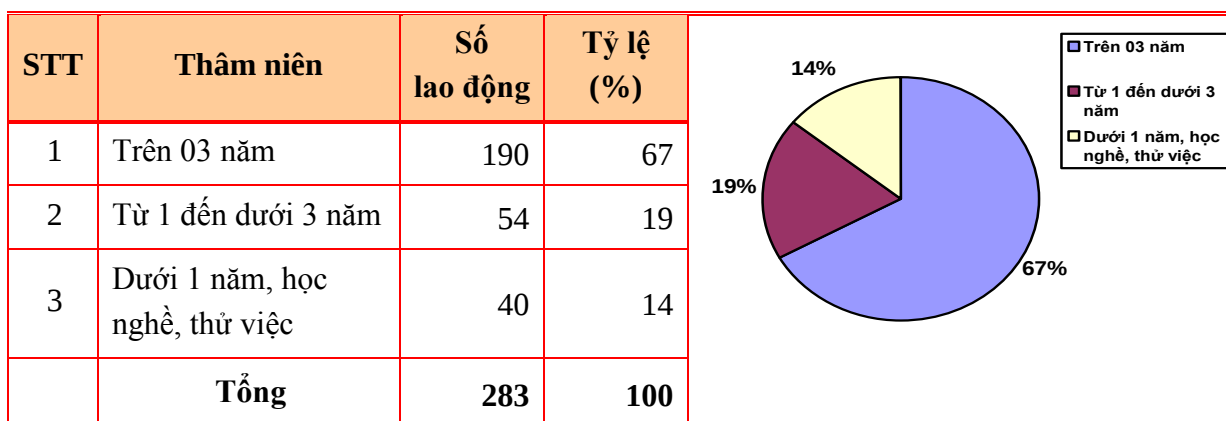
BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO CHỨC DANH



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO THÂM NIÊN CÔNG TÁC



2.2 Chế độ làm việc

- Công ty tổ chức làm việc 7 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Ngoài ra, khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Tập đoàn Sao Mai có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ, đồng thời thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước;
- Tất cả CBCNV đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn hoặc có thành tích xuất sắc;
- Điều kiện làm việc: Tập đoàn Sao Mai cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc cho CBCNV. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Sao Mai trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

2.3 Chính sách lương thưởng và phúc lợi

- Tất cả CBCNV của Tập đoàn đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn theo quy định. Chính sách đãi ngộ hợp lý thể hiện qua quy chế tiền lương, tiền thưởng được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt, phản ánh đúng kết quả người lao động;
- Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Sao Mai còn có thưởng thêm cho CBCNV vào các dịp lễ, tết. Ngoài ra, hàng năm Tập đoàn còn trích một phần lợi nhuận để giúp đỡ những cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn và có các chế độ ưu đãi về nhà ở cho tất cả CBCNV Tập đoàn.
- Bên cạnh đó, Sao Mai còn nuôi dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng và tích cực tham gia các hoạt động quyên góp giúp đồng bào bị bão lụt, quỹ vì người nghèo, xây nhà tình thương ...

2.4 Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Tuy hoạt động chủ yếu ở khu vực các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nhưng Tập đoàn Sao Mai vẫn chú trọng đến việc tuyển dụng người lao động có năng lực, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy vào từng vị trí cụ thể mà Tập đoàn Sao Mai đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như có trình độ chuyên môn, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.
- Bên cạnh việc tìm kiếm nhân tài, Tập đoàn Sao Mai cũng có các chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan. Đồng thời, Công ty cũng chủ động tạo điều kiện gửi nhân viên giỏi, nhân viên có tiềm năng lên TP.HCM hoặc đi nước ngoài học. Song song đó, Ban lãnh đạo Tập đoàn cũng luôn có chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ nhân viên thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn.



Đại hội đoàn viên nhiệm kỳ 2014 - 2017



III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM

1. Tình hình đầu tư trong năm 2014

1.1 Đầu tư tài chính

STT	Tên công ty	Số tiền
1	Công ty Cổ phần Phát triển bóng đá Đồng Tháp	1.000.000.000
	Tổng cộng	1.000.000.000

1.2 Đầu tư dự án

Công trình	Xây dựng CSHT	Mua đất	TỔNG
Khu DC-TM-DV Bến Xe Châu Đốc	909.091	3.370.403.314	3.371.312.405
KDC Bình Khánh 3 (ba)	12.139.945.167	8.504.886.370	20.644.831.537
KDC Bình Khánh 5 (năm)	19.250.343.014	37.149.473.550	56.399.816.564
KDC Tân Thành - Bà Rịa Vũng Tàu	45.454.545		45.454.545
KDC Sao Mai Phường 7 - Bến Tre	294.766.166		294.766.166
KDC Bình Thạnh Trung - Lấp Vò	7.562.858.182		7.562.858.182
KDC Cái Dầu - Châu Phú	7.602.006.214	366.083.329	7.968.089.543
KDC Hội An - Chợ Mới	12.671.660.964	783.020.000	13.454.680.964
KDC Hòa Bình	125.244.000		125.244.000
Khu Đô Thị F10-Tp.Mỹ Tho, Tiền Giang	171.119.273		171.119.273
KDC Phú Hòa mở rộng	1.066.875.454		1.066.875.454
KDC Giắt, Triệu Sơn, Thanh Hoá	864.665.000		864.665.000
KDC Tân Hiệp - Kiên Giang	23.190.565.848	17.300.684.000	40.491.249.848
Khu Resort Thọ Xuân - Thanh Hóa	313.636.360		313.636.360
KDC Xuân Thịnh & Thọ Dân, Triệu Sơn, Thanh Hoá	654.659.091		654.659.091
KDC Huyện Tri Tôn	26.818.686.144	1.174.312.258	27.992.998.402
KDC Xuân Biên - Tịnh Biên	1.231.412.477	133.680.485	1.365.092.962
Đất Châu Đốc - Cty Ngọc Hầu (13.426m ²)		3.825.966.247	3.825.966.247
KDC Bình Khánh 3 - Đường GTGT		1.762.600.000	1.762.600.000
Khu TTTM Lấp Vò		100.766.256.192	100.766.256.192
TỔNG CỘNG	114.004.806.990	175.137.365.745	289.142.172.735

2. Tình hình thực hiện các dự án lớn

Năm 2014, do có nguồn vốn từ đợt phát hành cổ phiếu, Ban điều hành Tập đoàn Sao Mai đã xúc tiến đầu tư nhanh vào các dự án có khả năng thu hồi vốn cao như dự án KDC Bình Khánh 5, KDC Hội An, KDC Tân Hiệp, KDC TTTM Tri Tôn. Đối với những dự án khác vẫn tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư sau này. Trường hợp dự án nào đã hoàn thành thủ tục đầu tư mà giá đất bồi thường hợp lý tùy theo tình hình tài chính tại từng thời điểm Sao Mai vẫn xem xét thực hiện việc bồi hoàn, vì đây là khâu quan trọng nhất quyết định tiến độ và giá thành đầu tư dự án.



Phối cảnh Chợ Khu Dân cư cao cấp Sao Mai Bình Khánh 5



Phối cảnh Khu dân cư Bình Thạnh Trung



2.1. Tiến độ thực hiện các dự án dở dang:

S T T	Dự án	Quy mô				Đã thực hiện đến ngày 31/12/2014		
		Vốn (tỷ đồng)	Diện tích (ha)	Số lượng sản phẩm	Dự kiến hoàn thành vào năm	Tiến độ thực hiện	Tổng vốn đã đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn đầu tư/tổng mức đầu tư (%)
1	Khu đô thị Cao cấp Sao Mai Bình Khánh 3 (L.Xuyên, An Giang)	425	56,57	2.681 nền	2015	* GĐ1, GĐ2, GĐ3 hoàn thành CSHT * GĐ 1,2,3 có giấy CNQSDĐ và bán hết nền. * GĐ4 đang XD CSHT.	460,07	108,3%
2	HTKT Khu đô thị cao cấp Sao Mai (Tỉnh Biên, AG)	99,25	23,93	Nhà mẫu 05 căn và 1.068 nền	2012	Đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất toàn dự án và đang bán nền.	104,89	105,7%
3	Khu dân cư Sao Mai Bắc QL 91 (Cái Dầu, Châu Phú, An Giang)	104,79	21,28	Chợ, Nhà mẫu 06 căn và 1.031 nền	2012	Đã hoàn thiện HTHT, Chợ và Nhà mẫu 6 căn. Đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất toàn dự án và đang bán nền.	89,47	85,4%
4	KDC TTTM Hướng Đông thị trấn Tri Tôn	109,3	29,82	1.247 nền	2015	Hoàn thành HTKT GĐ1, GĐ2 và giao địa phương quản lý; bàn giao nền TĐC cho các hộ dân vào sinh sống. Đang triển khai GĐ tiếp theo.	131,62	120,4%
5	Chợ và Khu dân cư xã Hội An (Chợ Mới, An Giang)	40,96	6,66	Chợ, Nhà mẫu 05 căn và 315 nền	2014	Đã hoàn thiện HTHT, Chợ và Nhà mẫu 5 căn. Đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất toàn dự án và đang bán nền.	49,72	121,4%
6	Khu đô thị Cao cấp Sao Mai Bình Khánh 5 (Long Xuyên, An Giang)	1.933	34,88	1.691 nền	2020	Đã thỏa thuận bồi hoàn được trên 70% diện tích dự án. Đã làm thủ tục xin thu hồi và giao đất. Hoàn thành SLMB phần diện tích thu hồi, đang thi công HTKT đạt khoảng 30%	183,53	9,5%
7	Đường giải thoát giao thông Khu dân cư Nam Trà Ôn (Long Xuyên, An Giang)	499	5,57	259 nền	2015	Đã thương lượng bồi thường được 30% diện tích dự án. Do phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch dẫn đến PA bồi thường thay đổi làm kéo dài thời gian thực hiện dự án. Có QĐ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch	15,96	3,2%



						1/500 của UBND tỉnh ngày 29/12/2014.		
8	Khu TTTM Thị trấn Lấp Vò	145,4	17,15	495 nền	2015	Đã có 100% diện tích đất dự án. Đã hoàn thành khu Tái định cư. Đang san lấp mặt bằng và thi công cơ sở hạ tầng.	100,77	69,3%
9	Khu nhà ở cao cấp Sao Mai thị trấn Tân Hiệp.	100	10,8	Chợ, Nhà mẫu 6 căn và 364 nền	2015	Đã hoàn thành Chợ, phần khung BTCT nhà mẫu 6 căn; Hoàn thành hơn 90% hạng mục HTKT giai đoạn I của dự án.	39,75	39,8%

2.2. Tiến độ thực hiện các dự án theo định hướng phát triển:

STT	Dự án	Tiến độ thực hiện
1	Khu đô thị mới Sao Mai xã Xuân Thịnh và xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	- Công văn số 4497/UBND-THKH ngày 29/06/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa, về việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Sao Mai tại huyện Triệu Sơn. - Quyết định số 3247/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Sao Mai tại xã Xuân Thịnh và xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. - Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Sao Mai xã Xuân Thịnh và xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. - Tháng 11/2014, Hoàn thành hồ sơ đề xuất chỉ định thầu thực hiện dự án gửi UBND Huyện Triệu Sơn. - Hiện tại, đã hoàn thành việc cắm ranh mốc quy hoạch, kiểm kê và lập phương án bồi hoàn, giải phóng mặt bằng. - Dự kiến đầu năm 2015 sẽ triển khai thi công hạ tầng kỹ thuật dự án Khu đô thị mới Sao Mai xã Xuân Thịnh và xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn nhằm sớm hoàn thành đúng với tiến độ đã đề ra.
2	Bệnh viện Quốc tế Sao Mai	- Công văn số 2027/UBND-XDCB ngày 06/07/2011 của UBND tỉnh An Giang về duyệt bố trí tổng mặt bằng dự án. - Công văn số 2839/UBND-KT ngày 15/09/2011 của UBND tỉnh An Giang về việc chấp thuận chủ trương cho lập dự án đầu tư Bệnh viện Quốc tế Sao Mai. - Ngày 13/5/2014, UBND tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 521031000507, tổng vốn đầu tư dự kiến 818,5 tỷ đồng. - Hiện nay, Công ty đã có quỹ đất sạch để thực hiện dự án. Hoàn thành việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, phòng cháy chữa cháy được các cấp thẩm quyền phê duyệt. Đang hoàn tất hồ sơ xin phép xây dựng, trình các cơ quan chức năng xem xét, phê duyệt. - Dự kiến, năm 2015 sẽ triển khai thi công dự án.



3	Khu dân cư Sao Mai Bắc QL 91 Giai đoạn II (TT. Cái Dầu, Châu Phú, An Giang)	- Công văn số 2331/VPUBND-KT ngày 15/7/2014 của UBND tỉnh An Giang về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Bắc Quốc lộ 91 (Giai đoạn 2); - Tháng 12/2014, Tập đoàn Sao Mai đã hoàn thành việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Bắc Quốc lộ 91 (Giai đoạn 2) đang trình UBND huyện Châu Phú xem xét, thỏa thuận với Sở Xây dựng và phê duyệt đồ án quy hoạch; - Dự kiến năm 2015 triển khai việc lập và thực hiện bồi hoàn GPMB, triển khai thi công san lấp mặt bằng,...
4	Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn – Sao Vàng	- Công văn số 9061/UBND-THKH ngày 11/11/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v đồng ý cho Tập đoàn Sao Mai lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn – Sao Vàng; - Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn – Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; - Dự kiến quý I năm 2015 hoàn thành thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án và triển khai các bước tiếp theo. - Hiện tại, Công ty đã hoàn tất hồ sơ năng lực và đề xuất thực hiện dự án trình Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa xem xét và trình UBND tỉnh Thanh Hóa chấp thuận chủ trương giao Sao Mai làm chủ đầu tư thực hiện dự án số 02 quy mô 70,7ha.
5	Dự án Resort Sao Mai Thanh Hóa	- Công văn số 8319/UBND-THKH ngày 17/10/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương, địa điểm thực hiện dự án xây dựng khu Resort Sao Mai Thanh Hóa tại huyện Thọ Xuân của Tập đoàn Sao Mai. - Giấy chứng nhận đầu tư số: 26121000031 ngày 18/10/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chứng nhận Tập đoàn Sao Mai là nhà đầu tư dự án Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa với tổng mức đầu tư 550 tỷ đồng. - Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 26/06/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; - Hiện tại, Sao Mai cũng đang phối hợp cùng UBND huyện Thọ Xuân kiểm kê và lập phương án bồi hoàn, giải phóng mặt bằng.
6	Dự án khu đô thị mới phường 10, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	- Công văn số 6312/UBND-CN ngày 22/10/2007 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc chấp thuận cho Tập đoàn Sao Mai lập dự án đầu tư và xây dựng Khu đô thị Sao Mai, phường 10, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; - Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 06/05/2011 của UBND Thành phố Mỹ Tho về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Sao Mai - phường 10 - TP. Mỹ Tho - tỉnh



		Tiền Giang; - Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 18/02/2014 của UBND Thành phố Mỹ Tho về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Sao Mai - phường 10 - TP. Mỹ Tho - tỉnh Tiền Giang; - Đã hoàn thành việc cắm ranh mốc cho dự án, tháng 11/2014. Tập đoàn đang phối hợp cùng Trung tâm phát triển quỹ đất TP. Mỹ Tho kiểm kê và lập phương án bồi hoàn, giải phóng mặt bằng; Hiện tại, Sao Mai cũng đang hoàn tất hồ sơ thiết kế cơ sở gửi Bộ xây dựng xem xét và trình Thủ tướng phê duyệt.
7	Khu đô thị Cao cấp Sao Mai, Khóm Bình Khánh 4, TP.Long Xuyên, An Giang.	- Dự án này được UBND tỉnh An Giang chấp thuận chủ trương cho Sao Mai đầu tư tại Công văn số 1765/UBND-KT ngày 13/06/2011. - Hiện tại, Sao Mai đã hoàn thành xong công việc khảo sát địa hình, hiện trạng, lập hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và đang trình có thẩm quyền phê duyệt qui hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.
8	Khu đô thị Sao Mai Nam Trần Hưng Đạo, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.	- Dự án này được UBND tỉnh Hòa Bình chấp thuận chủ trương tại Công văn số 2538/UBND-ĐT ngày 12/12/2007. - Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 27/04/2011 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị cao cấp Sao Mai Nam Trần Hưng Đạo tại TP. Hòa Bình, Hòa Bình. - Hiện tại, đơn vị tư vấn đã lập xong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
9	Khu biệt thự nghỉ dưỡng Thiên Cảnh Sơn huyện Tịnh Biên, An Giang.	- Dự án này được UBND tỉnh An Giang chấp thuận chủ trương cho Sao Mai đầu tư tại Công văn số 2366/UBND-KT ngày 18/07/2007. - Quyết định số 4845/QĐ-UBND.HC ngày 24/5/2011 của UBND huyện Tịnh Biên về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu biệt thự nghỉ dưỡng Thiên Cảnh Sơn. - Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 12/03/2012 của UBND huyện Tịnh Biên về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nghỉ dưỡng Thiên Cảnh Sơn, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên. - Giấy chứng nhận đầu tư số 521031000458 do UBND tỉnh An Giang cấp ngày 02/01/2013. - Công ty đã thỏa thuận xong và nhận chuyển nhượng khoảng 65% diện tích đất của dự án. Dự kiến, đến đầu quý 2/2015 sẽ bồi hoàn xong toàn bộ diện tích còn lại của dự án. - Sao Mai đã thỏa thuận xong và nhận chuyển nhượng khoảng 75% diện tích đất của dự án.
10	Khu du lịch núi Trà Sư, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.	- Dự án này được UBND tỉnh An Giang chấp thuận địa điểm, quy mô xây dựng tại Công văn số 319/UBND-KT ngày 25/01/2008. - Ngày 25/03/2010, UBND tỉnh An Giang có Công văn số 836/UBND-

		KT về việc thống nhất cơ chế giao đất tại Khu Du lịch núi Trà Sư. - Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 25/09/2012 của UBND huyện Tịnh Biên về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch núi Trà Sư, thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên. - Hiện đang trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư.
11	Khu liên hợp công nghiệp và Cảng biển Quốc tế IDI, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.	- Dự án này được UBND tỉnh Đồng Tháp chấp thuận chủ trương tại Công văn số 38/UBND-XDCB ngày 20/01/2009. - Đến nay, đã được Bộ Giao thông Vận tải chấp thuận bổ sung Cảng tổng hợp Quốc tế IDI vào quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển số 6 tại Công văn số 1101/BGTVT-KHĐT ngày 02/03/2011.
12	Khu TMDV giải trí cửa khẩu Quốc Tế Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, An Giang.	- Dự án này được UBND tỉnh An Giang chấp thuận chủ trương cho Sao Mai đầu tư tại Công văn số 4767/UBND-KT ngày 31/12/2009. - Dự án đang chờ Sở Xây dựng thẩm định và phê duyệt quy hoạch. - Hiện tại, Sao Mai đã thỏa thuận xong và nhận chuyển nhượng khoảng 25% diện tích đất của dự án.
13	Khu nhà ở thương mại cao cấp Sao Mai, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	- Dự án này được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công nhận làm chủ đầu tư tại Công văn số 4238/UBND-VP ngày 23/06/2014. - Hiện tại, đơn vị Tư vấn đã lập xong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đang chờ thỏa thuận với Sở Xây dựng.



Lãnh sự quán Trung Quốc thăm Tập đoàn Sao Mai

3. Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết

3.1. Tình hình hoạt động

a. Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát

- ✓ Dũng Thịnh Phát là doanh nghiệp do Tập đoàn Sao Mai thành lập để làm chủ đầu tư dự án Sao Mai Tower tại phường 16, quận 8, TP. HCM;
- ✓ Khi công ty nhận được Quyết định thu hồi và giao đất dự án thì thị trường bất động sản đang trong giai đoạn khó khăn nên công ty đã tạm dừng việc đầu tư chờ tín hiệu của thị trường để xem xét có tiếp tục đầu tư nữa không. Vì vậy, đến thời điểm này công ty vẫn chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận.



b. Công ty cổ phần Du lịch Đồng Tháp

- ✓ Công ty cổ phần Du lịch Đồng Tháp ngày nay tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được thành lập từ năm 1982, đây là doanh nghiệp hàng đầu của tỉnh hoạt động về lĩnh vực lữ hành, nhà hàng và khách sạn.
- ✓ Sau nhiều năm hoạt động thương hiệu "Du lịch Đồng Tháp" đã tạo được sự uy tín không chỉ ở trong tỉnh mà còn ở trong nước và nước ngoài. Sản phẩm chính của du lịch Đồng Tháp đó là các tour du lịch sinh thái, du lịch sông nước, du lịch về nguồn... Điểm nổi bật nhất là các tour du lịch trở về thiên nhiên hoang dã của Đồng Tháp Mười. Đối với lĩnh vực Inbound công ty có ký kết đón khách từ các thị trường Pháp, Anh, Nhật,... Còn lĩnh vực Outbound công ty có quan hệ đưa đón với các thị trường như: Trung Quốc, Hồng Kong, Malaysia...
- ✓ Công ty có hệ thống nhà hàng, khách sạn nằm trong Trung tâm Thành phố Cao Lãnh và Thành phố Sa Đéc và Thị xã Hồng Ngự rất thuận tiện cho khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan Đồng Tháp lưu trú, hội nghị, hội thảo, cưới hỏi...v.v

- ✓ Bên cạnh đó Công ty cổ phần Du lịch Đồng Tháp có đội ngũ nhân viên phục vụ tận tình chu đáo, và được huấn luyện chuyên nghiệp, đảm bảo theo tiêu chuẩn của ngành du lịch.
- ✓ Là đơn vị hàng đầu ngành du lịch Việt Nam tại Đồng Tháp. Các hoạt động lữ hành quốc tế, nội địa chuyên nghiệp, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, nguồn nhân lực có kinh nghiệm lâu năm, được đào tạo chuẩn chuyên ngành du lịch Việt Nam theo chuẩn dự án EU.
- ✓ Ban lãnh đạo Công ty là những người tâm huyết với kinh nghiệm hơn 20 năm trong ngành du lịch, luôn cải tiến dịch vụ chất lượng cao, hoàn thiện nguồn nhân lực chuyên nghiệp, không ngừng vươn lên vì sự phát triển thương hiệu Dongthaptourist bền vững và mở rộng hợp tác đem lại hiệu quả cho Công ty và ngành du lịch của Đồng Tháp luôn phát triển trong những năm qua.



**c. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI:**

- ✓ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia là công ty do Tập đoàn Sao Mai góp vốn thành lập từ năm 2003, hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất chế biến cá Tra fillet xuất khẩu.
- ✓ Sau khi thành lập, IDI đã được UBND tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng khoảng 230.000 m² đất tại huyện Lấp Vò theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất. Khu đất có vị trí giao thông thuận lợi – tọa lạc dọc theo quốc lộ 80 nối Vĩnh Long – Đồng Tháp – An Giang – Kiên Giang và Cần Thơ, tiếp giáp sông Hậu, nơi tập trung nguồn nguyên liệu cá và gạo lớn nhất trong khu vực.
- ✓ Để khai thác tiềm năng của lô đất, Ban lãnh đạo IDI đã quyết định đầu tư Cụm công nghiệp Vàm Cống với quy mô ban đầu là một nhà máy chế biến thủy sản công suất 300 tấn nguyên liệu/ngày. Toàn bộ máy móc thiết bị của nhà máy đều là những thiết bị tiên tiến nhất hiện nay, được IDI nhập khẩu 100% từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ. Giữa năm 2008, giai đoạn 1 của nhà máy đã vận hành và đi vào hoạt động. Hiện tại, IDI đã đầu tư xong giai đoạn 2 nhà máy nâng công suất lên 600 tấn nguyên liệu/ngày.
- ✓ Một phần diện tích đất còn lại được IDI sử dụng cho công ty Trisedco thuê, công ty do Tập đoàn Sao Mai và IDI góp vốn thành lập, hoạt động trong lĩnh vực thu mua 100% nguyên liệu từ quá trình sản xuất cá Tra fillet xuất khẩu của IDI để sản xuất bao tử cá, bột cá, mỡ thô, phân bón lá...
- ✓ Đầu năm 2011, IDI và Sao Mai đã khởi công xây dựng Nhà máy Tinh luyện dầu cá, thực phẩm chức năng đầu tiên của Việt Nam cũng như của thế giới với tổng số vốn đầu tư là 15 triệu USD, công suất 100 tấn/ngày, sau 3 năm nâng lên 200 tấn/ngày, tương đương 62.400 tấn/năm. Sản phẩm của nhà máy gồm: dầu trộn Salad, nước sốt, dầu dùng chế biến với các loại thực phẩm khác và dầu viên cá bổ sung dinh dưỡng dùng trong dược phẩm,... Với việc đầu tư nhà máy tinh luyện dầu cá này sẽ góp phần nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm của con cá da trơn; đồng thời hạn chế phụ thuộc nguồn dầu thực phẩm nhập khẩu từ nước ngoài và kích thích sự phát triển nghề nuôi này. Hiện tại, nhà máy đã hoàn thành và đang đi vào hoạt động. Trong năm 2014, đã tiêu thụ được hơn 271.220 lít dầu cá đóng chai và 5.874 tấn dầu cá thành phẩm và bán thành phẩm, đạt doanh thu trên 109 tỷ đồng.
- ✓ Ngoài ra, năm 2014, các công ty trong Tập đoàn đang cơ cấu lại ngành nghề, nên Công ty IDI đã chuyển giao dự án Trung tâm TM thị trấn Lấp Vò về cho Sao Mai tiếp tục đầu tư và khai thác. Tổng giá trị dự án được chuyển cho Sao Mai là 105 tỷ đồng



Cổng vào nhà máy thủy sản Đa Quốc Gia IDI



Dây chuyền tinh luyện dầu cá

c. Công ty cổ phần đầu tư du lịch và phát triển Thủy Sản (Trisedco):

- ✓ Trisedco được Tập đoàn Sao Mai và IDI góp vốn thành lập để đầu tư Nhà máy chế biến phụ phẩm cá tra thành các sản phẩm có giá trị như: bột cá và mỡ cá, với công suất 270 tấn nguyên liệu/ngày;
- ✓ Năm 2012 Nhà máy chế biến phụ phẩm Trisedco đi vào hoạt động hết công suất, hiện tại sản phẩm của công ty được bán nội địa và xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Châu Á như: Nhật, Đài Loan, Trung Quốc,...



d. Công ty cổ phần đầu tư địa ốc và khoáng sản Châu Á (AIM)

Nay được đổi tên thành **Công ty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á (AFO)** theo giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 7 cấp ngày 31/12/2014.

- ✓ AFO được Tập đoàn Sao Mai góp vốn thành lập để hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình công nghiệp, các công trình kỹ thuật dân dụng khác và kinh doanh bất động sản. Hoạt động đầu tư kinh doanh tập trung chính trên địa bàn huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;
- ✓ Hiện tại AFO đang là nhà phân phối độc quyền dầu cá của IDI;
- ✓ AFO đang đầu tư dự án Khu dân cư Sao Mai Bình Thạnh Trung. Với quy mô: 6 ha, tổng mức đầu tư 60 tỷ đồng, dự kiến trong năm sẽ hoàn thành và đi vào khai thác.



Đồng hành cùng Raneer nhân ngày 20/10/2014

e. Công ty cổ phần Nhựt Hồng

Đây là đơn vị đang thực hiện dự án Khu dân cư phía đông quốc lộ 1A (Khu A) - xã Lý Văn Lâm - Thành phố Cà Mau - Tỉnh Cà Mau, với quy mô dự án là 44,11 ha. Trong quá trình thực hiện dự án thì doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính và đã mời gọi Sao Mai tham gia góp vốn thực hiện dự án. Bằng kinh nghiệm của mình, Sao Mai nhận thấy dự án có một điểm thuận lợi mà các dự án nếu đầu tư mới không có là:

- ✓ Được phép phân lô bán nền;
- ✓ Đa phần đất nông nghiệp nên chi phí bồi hoàn không cao. Hơn nữa trước đây doanh nghiệp đã thỏa thuận với người có đất trong dự án theo hướng đổi đất ruộng lấy đất nền được hơn 80% diện tích dự án, do đó vốn bồi hoàn còn lại không nhiều;
- ✓ Cách trung tâm thành phố Cà Mau 2 km về hướng Nam, giao thông thuận lợi cả về đường bộ và đường thủy (đường Nguyễn Tất Thành ở phía Tây, đường Vành đai theo quy hoạch chung thành phố Cà Mau ở phía Bắc và sông Gành Hào ở phía Đông khu vực quy hoạch).

Vì vậy, Sao Mai đã quyết định góp vốn cùng Công ty Nhựt Hồng thực hiện dự án.

Tiến độ thực hiện:

- ✓ Bồi hoàn trên 95% diện tích dự án;
- ✓ Đang san lấp được hơn 30% diện tích đã bồi hoàn.



f. Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư tài chính (ASTAR)

- ✓ Tiền thân của công ty Astar là Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn thiết kế kiến trúc An Giang. Trong những năm qua, Astar đã thực hiện tư vấn, thiết kế và giám sát nhiều dự án do Sao Mai làm chủ đầu tư;
- ✓ Hiện tại, Astar đang phát triển mạnh lĩnh vực kinh doanh bất động sản tại An Giang và đang hợp tác cùng Sao Mai đầu tư các dự án tại địa phương.

g. Công ty cổ phần đầu tư tài chính và truyền thông Quốc tế (IMF)

- ✓ IMF được Tập đoàn Sao Mai góp vốn thành lập để hoạt động trong lĩnh vực truyền thông, nước khoáng và kinh doanh lương thực.
- ✓ Do thành lập trong giai đoạn kinh tế bị suy thoái, tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn nên hiện tại IMF chỉ hoạt động trong lĩnh vực truyền thông.

3.2. Tình hình tài chính*DVT: triệu đồng*

Tên doanh nghiệp	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Nợ phải trả
1. Công ty Dũng Thịnh Phát	17	10	34.563	48.983	14.420
2. Công ty Du Lịch Đồng Tháp	68.233	585	24.636	45.079	20.444
3. Công ty IDI	2.119.961	90.419	627.893	1.950.652	1.322.759
4. Công ty Trisedco	343.982	11.137	176.046	346.867	170.820
5. Công ty Astar (Tài chính)	18	16	119.773	148.713	28.940
6. Công ty AFO (Châu Á)	180.805	855	27.104	117.351	90.247
7. Công ty IMF (TTQT)	-	0	(1.160)	90	1.250





IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẬP ĐOÀN

1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	% tăng giảm 2014 so với 2013
1	Tổng giá trị tài sản	1.673.511.880.949	2.481.244.492.433	48,27%
2	Doanh thu thuần	1.135.079.426.456	1.199.288.798.258	5,66%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	15.393.613.199	92.983.780.943	504,04%
4	Lợi nhuận trong công ty liên kết liên doanh	13.150.419.134	14.371.479.983	9,29%
5	Lợi nhuận trước thuế	29.287.838.988	107.785.312.369	268,02%
6	Lợi nhuận sau thuế	25.479.629.287	89.151.043.528	249,89%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	630	1.698	169,52%

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (BCTC hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,89	2,51	
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	1,00	1,40	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,58	0,49	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,38	0,95	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	2,01	1,16	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,68	0,48	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,07	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,04	0,07	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,04	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,01	0,08	



V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 107.287.740
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 107.287.740

2. Cơ cấu cổ đông

2.1 Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 24/12/2014:

Stt	Cổ đông trong nước	Số lượng (Cổ đông)	Số cổ phần	Tỷ lệ ^(*)
1	Cổ đông là cá nhân	3.420	99.441.214	92,69%
	<i>HDQT, Ban TGD, KTT, BKS</i>	8	15.106.334	14,08%
2	Cổ đông là pháp nhân	21	5.762.759	5,37%
	Tổng cộng (1+2)	3.441	105.203.973	98,06%

(*) là tỷ lệ cổ phần của từng loại cổ đông trên tổng số cổ phần đang lưu hành của Tập đoàn Sao Mai.

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 24/12/2014:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Số lượng	Tỷ lệ	Biến động về tỷ lệ sở hữu
1	Lê Thanh Thuần	326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	CT HĐQT kiêm TGD ASM	10.590.096	9,87%	-0,23%
2	Võ Thị Thanh Tâm	326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	-	8.595.840	8,01%	-0,18%
	Tổng cộng		-	11.600.880	24,33%	

2.3. Cổ đông nước ngoài:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 24/12/2014

Stt	Cổ đông nước ngoài	Số lượng (Cổ đông)	Số cổ phần	Tỷ lệ (*)
1	Cổ đông là cá nhân	46	1.288.047	1,20%
2	Cổ đông là pháp nhân	11	795.720	0,74%
	Tổng cộng	57	2.083.767	1,94%

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm 2014 có phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cho cổ đông hiện hữu, cán bộ CNV nên vốn điều lệ tăng từ 476.834.400.000 đồng lên 1.072.877.400.000 đồng.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

1.1. Bất động sản:

1.1.1. Doanh thu và hiệu quả:

Kinh doanh bất động sản trong năm 2014 có chuyển biến tích cực, doanh thu bất động sản được 239 tỷ đồng, giảm 1 tỷ đồng so với kế hoạch và tăng 98 tỷ đồng so với năm 2013, tiền thu từ bất động sản hơn **240 tỷ đồng**, nhiều hơn 150 tỷ đồng so với năm 2013.

ĐVT: triệu đồng

Khu Dân Cư	Doanh thu	Giá Vốn	LN
Nhà và Đất 659/33 Trần Hưng Đạo - P. Bình Khánh (đất Ông Đoàn Hòa)	-9.733	-2.341	-7.392
Đất Trại Gà	0	24	-24
Khu Dân Cư Ấp Thị - Thị Trấn Chợ Mới	70	0	70
Khu DC-TM-DV Bến Xe Châu Đốc	-2.423	107	-2.530
Khu Dân Cư Bình Khánh 3 (ba)	72.996	21.427	51.569
Khu Dân Cư Bình Khánh 5 (năm)	44.190	21.891	22.298
Khu Dân Cư Phường 7 - Tx Bến Tre	11.235	3.764	7.471
Khu Dân Cư Cái Dầu - Châu Phú	27.080	13.976	13.104
Khu Dân Cư Hội An - Chợ Mới	28.832	11.498	17.334
Khu Dân Cư Tân Hiệp - Kiên Giang	25.111	15.563	9.548
Khu Dân Cư Huyện Tri Tôn	13.629	7.110	6.519
Khu Dân Cư Xuân Biên - Tịnh Biên	27.986	7.969	20.017
TỔNG CỘNG	238.973	100.988	137.985

Tình hình khai thác cụ thể các dự án Bất động sản của công ty tính đến ngày 31/12/2014:

KHU DÂN CƯ BÌNH KHÁNH 3

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	2.681	231.422	2.503	226.281	178	5.141

KHU DÂN CƯ HỘI AN

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	297	29.447	179	16.299	118	13.148

**KHU DÂN CƯ CÁI DẦU CHÂU PHÚ**

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	1.031	105.392	415	35.707	616	69.685

KHU DÂN CƯ BẾN TRE

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	647	64.544	628	61.800	19	2.744
Đất kinh doanh khác		6.801		3.396		3.405
Tổng	647	71.345	628	65.196	19	6.149

KHU DÂN CƯ TỈNH BIÊN

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	1.068	101.780	501	48.571	567	53.209
Đất kinh doanh khác		13.529				13.529
Tổng	1.068	115.309	501	48.571	567	66.738

KHU DÂN CƯ TRI TÔN

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	1.247	102.745	346	23.751	901	78.994
Đất kinh doanh khác		39.812		3.091	-	36.721
Tổng	1.247	142.557	346	26.842	901	115.715

KHU DÂN CƯ PHÚ HÒA

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	295	21.698	147	8.183	148	13.516

KHU DÂN CƯ CHÂU ĐỐC

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	53	7.339	23	3.315	30	4.024

KHU DÂN CƯ BÌNH KHÁNH 5

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	1.164	134.544	117	12.244	1.047	122.300

KHU DÂN CƯ TÂN HIỆP

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	364	41.863	70	6.737	294	35.127



Buổi văn nghệ tổ chức tại khu vực Chợ thuộc dự án Tân Hiệp, Kiên Giang

1.1.2. Thuận lợi và khó khăn:**a. Thuận lợi:**

- Tập đoàn Sao Mai đầu tư mở rộng nhiều dự án mới tại các địa phương nên cung cấp đa dạng chủng loại hàng hóa ra thị trường, thu hút thêm khách hàng cho Tập đoàn.
- Phân khúc đất nền và nhà ở giá thấp, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng nên dễ tiêu thụ;
- Các dự án đầu tư của Tập đoàn thường là nơi có quỹ đất dễ giải tỏa, giá đền bù thấp, cộng với chính sách chia sẻ quyền lợi với người giải tỏa nên tiến độ được đẩy nhanh, giảm bớt chi phí đầu tư. Bên cạnh đó, thiết kế hạ tầng phù hợp theo hướng ưu tiên đất thành phẩm nhiều, quản lý đầu tư chặt chẽ nên giá thành thấp phù hợp với người có thu nhập trung bình, do đó khách hàng mục tiêu rất rộng.
- Công ty có áp dụng phương thức bán trả góp nên năm lượng khách hàng mua nền tăng đáng kể, đối với phương thức này Tập đoàn Sao Mai không có rủi ro do chỉ sang tên Giấy CNQSD đất khi khách hàng đã nộp đủ tiền theo hợp đồng và thực tế nợ quá hạn không đến 5%;
- Do có nghiên cứu trước nên địa điểm đầu tư dự án chủ yếu là phục vụ người có nhu cầu sử dụng. Vì vậy, không chịu nhiều ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, bằng chứng Sao Mai vẫn bán được hàng;
- Công tác quảng bá thông tin khá tốt nhờ xác định rõ khách hàng mục tiêu (người sẽ thực sự mua hàng của công ty) để lựa chọn kênh phù hợp nên chi phí thấp nhưng hiệu quả lại cao;
- Xây dựng được lực lượng bán hàng hùng hậu nhờ phương thức trả lương theo sản phẩm bán được (hưởng lương theo hoa hồng) nên mãi lực mạnh và đội ngũ này góp phần quảng bá sản phẩm cho Tập đoàn;
- Khách hàng rất hài lòng về chính sách chăm sóc sau bán hàng của công ty nên giới thiệu thêm khách hàng cho Tập đoàn.

b. Khó khăn:

- Kinh tế suy thoái làm cho thu nhập người dân giảm dẫn đến việc người dân tuy có nhu cầu nhưng không đủ khả năng mua;
- Tín dụng cho bất động sản vẫn chưa được nói lỏng và lãi suất còn cao;
- Các chính sách về tiền tệ, quản lý đất đai của nhà nước trong thời gian qua cũng đã làm hạn chế dòng tiền vào bất động sản, khiến thị trường trầm lắng kéo dài.



Dự án Khu dân cư Bến xe Châu Đốc





1.2. Thủy sản:

1.2.1. Phân loại doanh thu:

a. Xuất khẩu:

Tháng	Khối lượng có mặt bảng (Kg)	Doanh Thu (USD)
1	1.791.160	3.479.328
2	1.251.500	2.401.589
3	1.388.900	2.798.306
4	1.547.096	3.124.828
5	1.215.182	2.561.056
6	993.360	2.035.342
7	1.027.580	1.999.414
8	2.024.770	3.804.514
9	1.046.900	2.083.545
10	1.735.700	3.351.595
11	1.474.000	2.928.970
12	1.650.440	3.123.387
Tổng cộng	17.146.588	33.691.874

b. Bán trong nước:

Tháng	Khối lượng có mặt bảng (Kg)	Doanh thu (VNĐ)
6	135.000	5.069.409.220
7	176.000	7.003.735.780
8	166.000	6.356.132.000
9	112.000	4.503.087.000
10	146.000	5.904.613.500
11	25.000	874.200.000
12	48.000	1.988.592.000
Tổng Cộng	808.000	31.699.769.500

c. Nuôi trồng thủy sản

Vùng nuôi	Số lượng thức ăn (Kg)	Sản lượng thu hoạch (Kg)	Doanh thu (VNĐ)
An Thạnh Trung	1.507.400	982.832	22.250.864.200

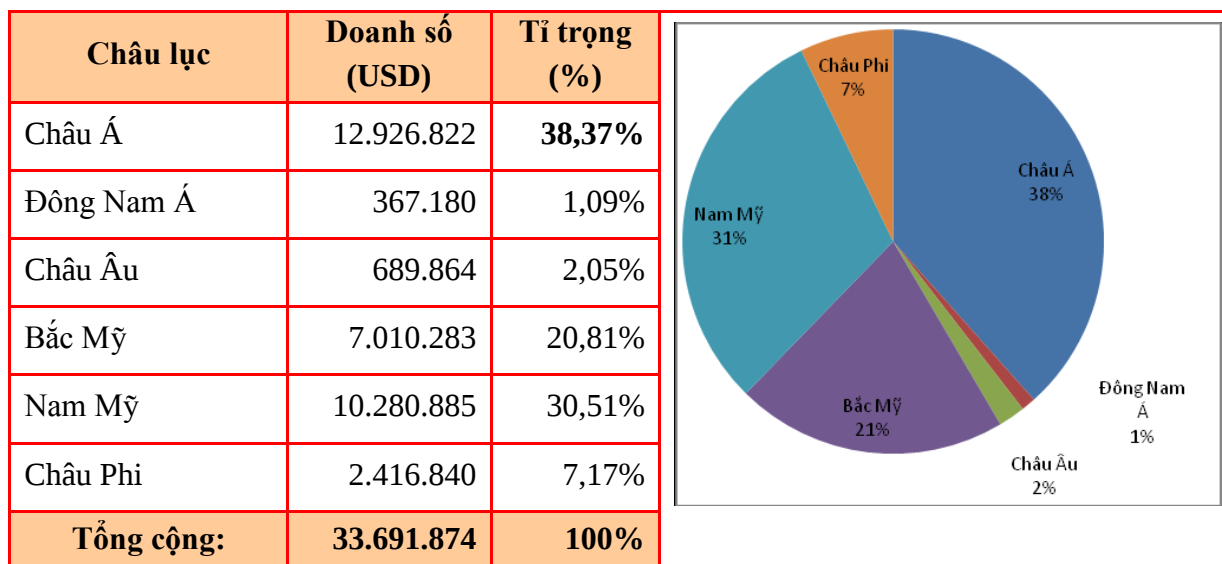


1.2.2. Thị trường & khách hàng:

Tập đoàn Sao Mai đang cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh nên không mở rộng lĩnh vực xuất khẩu thủy sản. Trong năm 2014, Sao Mai chỉ giải quyết các đơn hàng cũ đã ký với khách, vì thế số lượng khách hàng cũng giảm theo, hiện còn hơn 100 khách hàng xuất khẩu.

a. Thị phần theo quốc gia:

STT	THỊ TRƯỜNG	Khối Lượng (kg)	Tỉ lệ % KL	Thành Tiền (USD)	Tỷ lệ (%) thành tiền
1	Ả RẬP	223.000	1,30%	506.170	1,50%
2	ALGERIA	1.150.910	6,71%	2.365.340	7,02%
3	BRAZIL	1.044.100	6,09%	2.164.092	6,42%
4	CANADA	22.000	0,13%	68.800	0,20%
5	CHILE	21.000	0,12%	44.520	0,13%
6	CHINA	4.267.538	24,89%	8.818.886	26,18%
7	COLOMBIA	4.300.290	25,08%	7.866.628	23,35%
8	CROATIA	25.000	0,15%	55.500	0,16%
9	FRANCE	41.200	0,24%	69.724	0,21%
10	HONG KONG	533.340	3,11%	1.026.049	3,05%
11	MALAYSIA	61.500	0,36%	127.700	0,38%
12	MEXICO	3.661.640	21,35%	7.043.593	20,91%
13	NEW ZEALAND	66.000	0,38%	159.060	0,47%
14	OMAN	24.500	0,14%	47.100	0,14%
15	PERU	24.500	0,14%	56.435	0,17%
16	PHILIPPINES	73.000	0,43%	133.015	0,39%
17	PORTUGAL	46.000	0,27%	104.060	0,31%
18	QATAR	25.000	0,15%	51.500	0,15%
19	SAUDI ARABIA	1.045.000	6,09%	1.987.650	5,90%
20	SINGAPORE	224.600	1,31%	430.716	1,28%
21	SPAIN	24.000	0,14%	81.840	0,24%
22	SULTANATE OF OMAN	49.000	0,29%	90.650	0,27%
23	SYRIA	24.000	0,14%	40.904	0,12%
24	TAIWAN	45.970	0,27%	85.222	0,25%
25	THAILAN	24.500	0,14%	47.040	0,14%
26	THE NETHERLANDS	50.000	0,29%	113.710	0,34%
27	TURKEY	25.000	0,15%	57.250	0,17%
28	UK	24.000	0,14%	48.720	0,14%
	Tổng Cộng	17.146.588	100%	33.691.874	100%

b. Thị phần theo Châu lục:

1.2.3. Những thuận lợi và khó khăn:
a. Thuận lợi:

- Cá nguyên liệu đáp ứng được hầu hết tất cả các yêu cầu đơn hàng về sản lượng cỡ, màu, v.v....;
- Giá cá nguyên liệu trong năm ổn định;
- Nhu cầu thị trường Nam Mỹ như Colombia, Brazil tăng;
- Chất lượng sản phẩm ổn định;
- Hàng của Tập đoàn đã được xuất vào thị trường Mỹ tiềm năng và đã đạt được kết quả khả quan;
- Đội ngũ bán hàng nhạy bén và linh động.

b. Khó khăn:

Ngoài những thuận lợi nêu trên thì Tập đoàn Sao Mai cũng gặp phải một số khó khăn nhất định, cụ thể:

- Khó dự đoán được tình hình diễn biến nguyên liệu trong dài hạn;
- Giá cá nguyên liệu diễn biến thất thường khó kiểm soát dẫn đến rủi ro trong việc xác định giá bán khi ký hợp đồng số lượng lớn, gia dài hạn với khách hàng;
- Đôi khi vẫn thiếu cá nguyên liệu ảnh hưởng đến lịch giao hàng;
- Không tiên đoán được nhu cầu thị trường và nhu cầu khách hàng.
- Kênh phân phối chưa nhiều và hoạt động thật sự chưa hiệu quả.

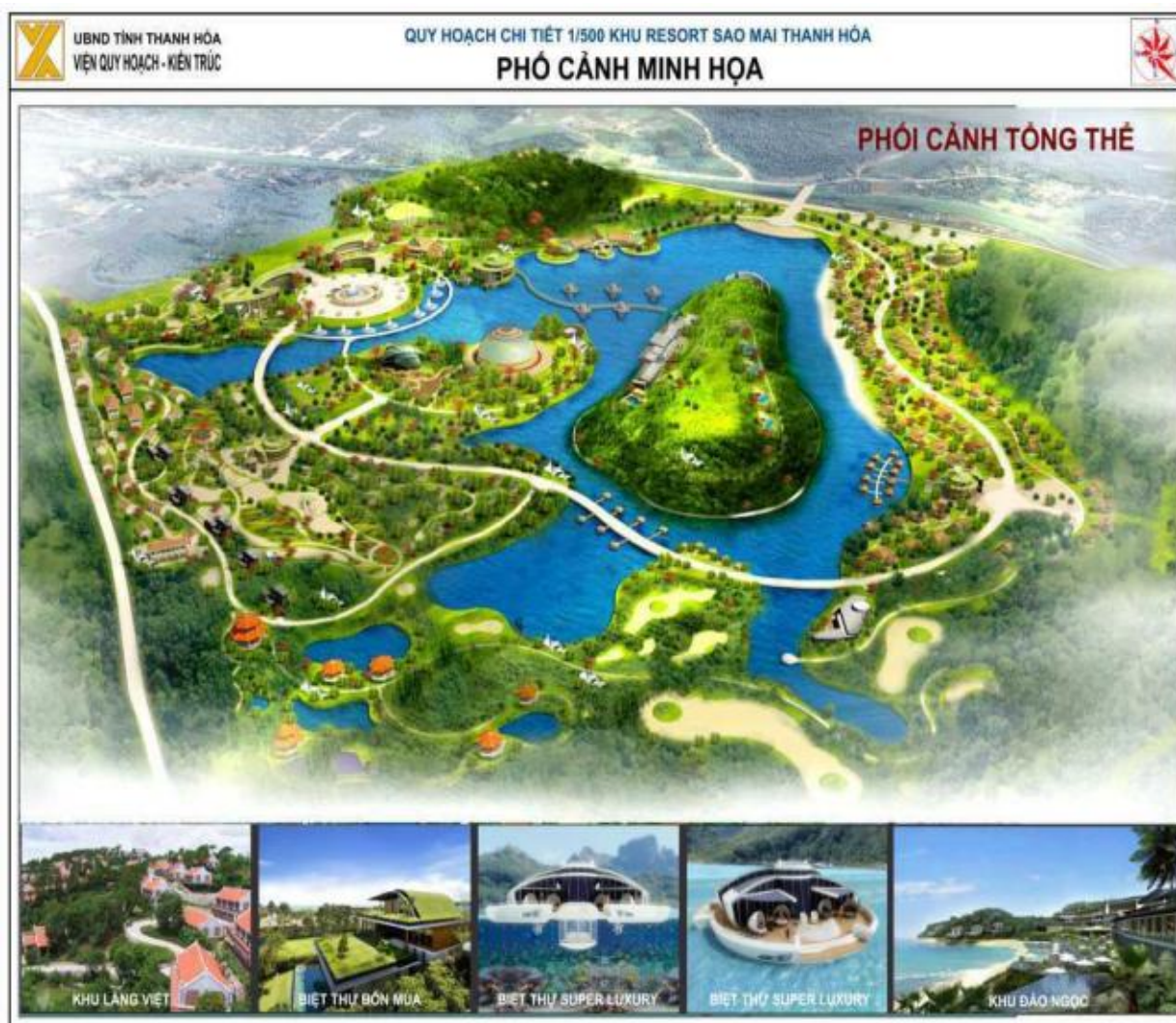
Dưới đây là kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 của Sao Mai so với kế hoạch và những năm trước:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2013	Năm 2014		So sánh (%)	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH2014/ KH2014	TH2014/ TH2013
Doanh thu thuần	1.135.079.426.456	1.300.000.000.000	1.199.288.798.258	92,3%	105,7%
Lợi nhuận sau thuế	25.479.629.287	40.000.000.000	89.151.043.528	222,9%	349,9%

Lợi nhuận sau thuế tăng hơn 122% so với kế hoạch và tăng hơn 249% so với năm 2013 nguyên nhân là do:

- Trong năm 2014, công ty đã huy động được nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu nên trong năm Sao Mai đã giảm dư nợ vay tại các ngân hàng do đó chi phí tài chính giảm hơn 30% so với kế hoạch.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 172% so với kế hoạch.



Phối cảnh tổng thể khu Resort Sao Mai tại tỉnh Thanh Hóa

2. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- ✓ Với năng lực về đầu tư và quản lý dự án, khả năng tài chính và kinh nghiệm thực tế đã trải qua trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, thủy sản, thương hiệu Sao Mai ngày càng được củng cố, không chỉ là doanh nghiệp lớn, nay đã được nâng thành Tập đoàn.
- ✓ Sao Mai kế thừa một lực lượng lao động được đào tạo căn bản và kiến thức chuyên môn sâu rộng, được học tập tại nước ngoài như: Mỹ, Úc, Singapore, Trung Quốc,...
- ✓ Bên cạnh đó, các ứng dụng khoa học công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại được đầu tư giúp xử lý công việc được nhanh chóng và tiện lợi, tiết kiệm thời gian và nâng cao năng suất lao động.
- ✓ Đoàn kết nội bộ được đưa lên hàng đầu: giữa các bộ phận chuyên môn trong Tập đoàn Sao Mai luôn có sự phối hợp nhịp nhàng và có trách nhiệm giúp công việc luôn được xử lý nhanh chóng và hiệu quả.
- ✓ Chất lượng dịch vụ: ngoài bộ phận chăm sóc khách hàng, Tập đoàn còn cử ra một Phó Tổng Giám đốc phụ trách thường xuyên tham gia đối thoại với khách hàng nhằm tháo gỡ kịp thời, nhanh chóng những trường hợp ngoài thẩm quyền của các bộ phận chuyên môn.
- ✓ Về công tác xã hội từ thiện, năm 2014 Sao Mai đã chi hơn 1,5 tỷ đồng tương đương 5.200 suất quà để hỗ trợ ăn Tết Ất Mùi 2015 cho các đối tượng hộ nghèo, hộ chính sách, bệnh nhân nghèo, trẻ em nhiễm HIV, . . . khắp các địa phương An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau và Bạc Liêu. Tập đoàn cũng tài trợ 3,1 tỷ đồng cho TP Long Xuyên và TP Cao Lãnh trang trí làm đẹp phố phường phục vụ nhân dân vui xuân đón Tết. Bên cạnh đó, trong năm Tập đoàn đã xây dựng, trao tặng 06 căn nhà tình nghĩa và tài trợ cho nhiều sự kiện xã hội có ý nghĩa.





II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tài sản:

- Năm 2014, Tổng tài sản của Tập đoàn Sao Mai đạt 2.481 tỷ đồng, tăng khoảng 48% so với năm 2013.
- Trong cơ cấu tổng tài sản thì tài sản dài hạn đạt 528 tỷ đồng (# chiếm 21,3% tổng tài sản) và tài sản ngắn hạn đạt hơn 1.953 tỷ đồng (# chiếm 71,7% tổng tài sản).
- Tổng tài sản của Tập đoàn Sao Mai năm 2014 tăng so với năm 2013 là do cá nguyên nhân sau:
 - + Sao Mai đã xúc tiến đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thiện hạ tầng các dự án như: Bình Khánh 3, Bình Khánh 5, Tri Tôn, Châu Phú, Hội An, Tân Hiệp Bên cạnh đó, Sao Mai còn nhận chuyển nhượng dự án Khu TTTM Lấp Vò. Tổng chi phí đầu tư bất động sản tăng thêm 374 tỷ đồng, tăng 104% so với năm 2013.
 - + Ngoài ra, khoản phải thu khách hàng từ bất động sản tăng hơn 64 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2013. Do chính sách bán hàng trả góp linh hoạt của Tập đoàn nên khoản phải thu bất động sản cũng tăng theo tỷ lệ thuận với doanh thu.

2. Nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu cơ cấu vốn	Năm 2013	Năm 2014
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,58	0,48
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,38	0,95

So với năm 2013, hệ số nợ/tổng tài sản giảm 0,1 lần và nợ trên vốn chủ sở hữu giảm 0,43 lần.

3. Hiệu quả sử dụng vốn:

Với mức lợi nhuận năm 2014 đạt 89,15 tỷ đồng, chỉ số EPS khoảng 1.698 đồng/cổ phần, cho thấy hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Sao Mai trong năm 2014 có tăng hơn năm trước và đạt kế hoạch đề ra. Kết quả 2014 Sao Mai đạt được những kết quả đáng chú ý như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2014	NHẬN XÉT SO VỚI NĂM 2013
1	Vốn chủ sở hữu	702.895.595.733	1.267.206.446.675	Tăng 80%
2	Vốn điều lệ	476.834.400.000	1.072.877.400.000	Tăng 125%
3	Doanh thu	1.135.079.426.456	1.199.288.798.258	Tăng 5%
4	Lợi nhuận sau thuế	25.484.245.170	89.151.043.528	Tăng 249%
5	Lợi nhuận sau thuế/cổ phần	630	1.698	Tăng 169%



III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Bộ máy hoạt động đã được cơ cấu lại theo hướng gọn nhẹ, linh hoạt và hiệu quả;
- Một số bộ phận thực hiện khoán lương theo sản phẩm bước đầu đã phát huy tác dụng. Ngoài ra, Sao Mai còn tăng cường chế độ khen thưởng cho CBCNV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Việc thực hiện phân quyền các bộ phận chuyên môn đã phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng đơn vị trong công việc góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

VI. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Sau khi hội nhập kinh tế quốc tế thì việc xây dựng phát triển đô thị là điều không thể tránh khỏi đối với một đất nước đang phát triển như Việt Nam hiện nay. Quyết tâm này càng được thể hiện rõ tại Quyết định số 1581/QĐ-TTg của Chính Phủ về phê duyệt Quy hoạch xây dựng Vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050. Trong mục tiêu phát triển của Quyết định nói trên, Chính Phủ yêu cầu phải ưu tiên phát triển các đô thị mới có tính chất, chức năng dịch vụ phát triển công nghiệp, du lịch, thương mại gắn với đặc thù từng vùng; Hình thành hệ thống hạ tầng xã hội đa dạng và linh hoạt trên cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật gắn kết hệ thống dân cư, đô thị trên toàn vùng; Phát triển các vùng du lịch, các trung tâm du lịch tầm quốc tế, quốc gia gắn với đặc trưng văn hóa, đô thị và cảnh quan tự nhiên... Chính vì thế, Sao Mai cho rằng lĩnh vực: Xây dựng dân dụng; Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật; Phát triển khu đô thị và dịch vụ du lịch vẫn là các ngành tiềm năng của vùng. Với những nhận định vừa nêu thì kế hoạch phát triển trong thời gian tới của Tập đoàn như sau:

1. Về kinh doanh:

1.1. Bất động sản:

Tiếp nối những kết quả đã đạt được trong năm 2014, cộng với những dự báo lạc quan về thị trường bất động sản trong thời gian tới. Năm 2015, Sao Mai đặt mục tiêu tăng trưởng mạnh về doanh thu và lợi nhuận mảng bất động sản. Dự kiến doanh thu bất động sản đạt 300 tỷ đồng. Chính vì vậy, Sao Mai sẽ ưu tiên tập trung đẩy mạnh khâu bán hàng, nhanh chóng thu hồi vốn để tái đầu tư vào các dự án mới nhằm sớm tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng, phong phú hơn cho khách hàng lựa chọn. Để đạt được kết quả như kỳ vọng, Sao Mai cần phải thực hiện tốt các giải pháp sau:

- Đối với các dự án có tốc độ bán hàng chậm và tồn kho còn nhiều, phải tìm hiểu căn kẽ nguyên nhân để từ đó có chiến lược kinh doanh hay điều chỉnh quy hoạch lại cho phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Chẳng hạn như thiếu công trình phúc lợi công cộng; Hạ tầng kỹ thuật, an ninh, môi trường, mỹ quan đô thị chưa đảm bảo hoặc giá cả và phương thức thanh toán chưa đáp ứng kỳ vọng của khách hàng;



- Vẫn giữ nguyên thời hạn trả góp đối với tất cả các dự án. Tuy nhiên, sẽ có chính sách ưu đãi nhiều hơn đối với khách hàng thanh toán cao hơn mức quy định khi ký hợp đồng mua nền. Đặc biệt là những khách hàng thanh toán từ 70% giá trị hợp đồng trở lên;
- Tuyển dụng thêm nhiều nhân viên bán hàng có chuyên môn, kỹ năng giao tiếp tốt và có kinh nghiệm trong lĩnh vực bất động sản cho phòng kinh doanh, do phương thức trả lương theo sản phẩm nên việc này không làm tăng chi phí nhưng lại góp phần quảng bá rộng rãi dự án đến khách hàng mục tiêu và bán được nhiều sản phẩm hơn;
- Cải thiện hơn nữa khâu chăm sóc khách hàng để tăng độ hài lòng của khách hàng đối với công ty. Chính sự hài lòng này sẽ làm cho khách hàng cũ giới thiệu thêm khách hàng mới (bao gồm cả người thân, bạn bè đến mua sản phẩm của Sao Mai);
- Đầu tư nhiều hơn vào công tác nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến khách hàng cũng như nghiên cứu đối thủ cạnh tranh để điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp (về giá cả, phương thức thanh toán và các ưu đãi cho khách hàng);
- Thực hiện tốt các nghĩa vụ của Sao Mai đối với khách hàng như: giao nền đúng hạn, rút ngắn thời gian giao Giấy chứng nhận QSD đất từ 2 – 3 tháng như hiện nay xuống còn 45 ngày và giải quyết các vướng mắc cho khách hàng một cách nhanh chóng, thỏa đáng;
- Đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ giao tiếp cho bộ phận thu hồi công nợ và chăm sóc khách hàng;
- Tiếp tục kế thừa công tác quảng cáo - tiếp thị như đã thực hiện trước đây. Tuy nhiên, cần xác định rõ khách hàng mục tiêu tiếp thị đúng đối tượng, để tránh lãng phí và không hiệu quả.

1.2. Thủy sản:

- Theo định hướng tái cấu trúc Tập đoàn, Sao Mai sẽ chuyển toàn bộ lĩnh vực xuất khẩu thủy sản cho Công ty IDI kinh doanh, trong năm 2015 sẽ giảm dần kinh doanh thủy sản, công ty tập trung giải quyết các đơn hàng tồn đọng. Dự kiến doanh thu xuất khẩu thủy sản chỉ khoảng 14 triệu USD, cơ cấu thị trường trong năm 2015 như sau:

Thị trường	Số lượng cont/tháng	Tỷ lệ %
1. Trung Quốc	5	20,0
2. Mỹ + Canada	5	20,0
3. Trung Mỹ + Nam Mỹ	8	32,0
4. Các thị trường khác	7	28,0
Tổng cộng	25	100

- Tiếp tục phát triển lĩnh vực kinh doanh thương mại thức ăn thủy sản để hỗ trợ các công ty thành viên. Mục tiêu doanh thu thức ăn đặt ra trong năm 2015 là 700 tỷ đồng.



1.3. Xây dựng:

Chủ trương Tập đoàn Sao Mai vẫn duy trì lĩnh vực này, nhằm đảm bảo việc làm cho các đội xây dựng. Tuy nhiên, mục tiêu kinh doanh an toàn vẫn được Sao Mai đặt lên hàng đầu. Do đó, Sao Mai vẫn chỉ nhận thầu các công trình thanh toán vốn nhanh, xét thấy có hiệu quả. Doanh thu đặt ra cho lĩnh vực này năm 2015 là 50 tỷ.

1.4. Ngành dịch vụ:

Tập trung khai thác tối đa công suất Khu resort Sao Mai Bà Rịa Vũng Tàu, Khu cư xá Agifish và các văn phòng cho thuê đảm bảo doanh thu năm 2015 đạt 10 tỷ đồng.

2. Về đầu tư

2.1. Bất động sản:

- Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 Khu dân cư Bắc Quốc lộ 91 TT Cái Dầu, Huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Bồi hoàn dứt điểm dự án Đường giải thoát giao thông Nam Trà Ôn, tiến tới thu hồi, giao đất và nộp tiền sử dụng đất;
- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng các dự án còn đang dở dang để nhanh chóng đưa vào khai thác như dự án Khu dân cư Bình Khánh 5, Khu dân cư Tân Hiệp;
- Xúc tiến hoàn thiện các thủ tục pháp lý Khu Resort Sao Mai, Khu dân cư Xuân Thịnh - Thọ Dân và Khu Dân cư Lam Sơn - Sao Vàng tại Thanh Hóa; Khu đô thị Sao Mai Nam Trần Hưng Đạo tại Hòa Bình; Khu dân cư Bình Khánh 4. Song song đó, tiến hành bồi hoàn giải phóng mặt bằng các dự án này dứt điểm trong năm 2015;
- Vẫn xác định mục tiêu chiến lược của Tập đoàn là đầu tư và triển khai các dự án mới. Vì vậy, bên cạnh đầu tư khai thác các dự án đang hiện có, Sao Mai tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ xin phép đầu tư các dự án mới theo qui định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đầu tư dự án khi nguồn vốn tín dụng được khai thông, gồm các dự án sau:

STT	Dự án	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Diện tích (ha)
1	Dự án khu đô thị mới phường 10, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	1.500,00	150,00
2	Khu biệt thự nghỉ dưỡng Thiên Cảnh Sơn huyện Tịnh Biên, An Giang.	85,00	6,08
3	Khu du lịch núi Trà Sư, huyện Tri Tôn, AG.	85,00	9,61
4	Khu liên hợp công nghiệp và Cảng biển Quốc tế IDI, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.	1.885,00	156,80
5	Khu TMDV giải trí cửa khẩu Quốc Tế Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, An Giang.	234,00	41,06
6	Bệnh viện quốc tế Sao Mai – Tp Long Xuyên (qui mô 500 giường).	578,49	0,44



2.2. Thủy sản:

Hỗ trợ các công ty thành viên xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn để hoàn thiện chuỗi khép kín;

2.3. Ngành dịch vụ:

- Đẩy mạnh khai thác khu Sao Mai resort Vũng Tàu, nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng;
- Tái cấu trúc sâu rộng hoạt động của công ty Du lịch Đồng Tháp để khai thác hết tiềm năng về du lịch của công ty;
- Thúc đẩy tiến độ dự án Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa.
- Triển khai thêm dự án Khu du lịch Thiên Cảnh Sơn; Khu du lịch Núi Trà Sư, . .

2.4. Y tế:

Năm 2015, Tập đoàn sẽ đầu tư trước phần móng dự án Bệnh viện quốc tế Sao Mai tại TP Long Xuyên và hoàn thành dự án trong năm 2017.

3. Từ những định hướng trên cộng với sự lạc quan về tình hình kinh tế năm 2015, Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2015 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 thông qua như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Đã thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	KH/TH (%)
1. Doanh thu thuần	1.199	1.360	113%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	89	134	150%

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN SAO MAI

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh:

Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua, Hội đồng quản trị đã đề ra các chủ trương bằng nhiều Nghị quyết, Quyết định cho việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, đồng thời bám sát tình hình thực tế để kịp thời phối hợp với Ban điều hành xử lý những vấn đề then chốt trong sản xuất kinh doanh. Nhờ vậy, đã giúp Tập đoàn Sao Mai vượt qua khó khăn và hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2014 giao phó.

2. Tình hình đầu tư:

Dựa trên kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 của Tập đoàn, Hội đồng quản trị nhận thấy thị trường bất động sản có dấu hiệu khởi sắc hơn, nên đã cùng Ban điều hành Tập đoàn lên kế hoạch đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đang dở dang sớm đưa vào khai thác. Trên cơ sở định hướng, cộng thêm sự tài trợ vốn của ngân hàng và ủng hộ từ các cổ đông thông qua việc tăng vốn điều lệ, năm 2014 Tập đoàn đã đầu tư hoàn thiện Dự án Châu Phú, Tri Tôn và Hội An đưa vào bán nền. Trong đó, dự án Châu Phú, Tri Tôn và Hội An đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài 3 dự án trên, trong năm Tập đoàn còn triển khai bồi hoàn dứt điểm, san lấp mặt bằng và thi công cơ sở hạ tầng dự án Khu dân cư Bình Khánh 5 đạt 70% khối lượng toàn dự án chỉ trong 4 tháng. Đồng thời, trúng thầu, đầu tư xong và đưa vào bán nền Dự án Khu dân cư thị trấn Tân Hiệp. Thành công trong đầu tư đã góp phần làm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn trong năm 2014.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN SAO MAI

Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, tuy tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng bằng nỗ lực của mình Ban Tổng Giám đốc đã lèo lái Sao Mai vượt qua những khó khăn của năm 2014, hoàn thành vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Phối hợp với Ban điều hành tập trung đẩy mạnh công tác Marketing và bán hàng nhằm tiêu thụ các sản phẩm đã hoàn thành, tăng nhanh vòng quay và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho Tập đoàn;
- Ưu tiên vốn cho đầu tư các dự án theo kế hoạch của Ban điều hành;

- Hoàn thiện thủ tục cấp phép và tiến tới xây dựng Bệnh viện cao cấp Sao Mai;
- Tập trung tái cấu trúc các công ty trong hệ thống theo mô hình Tập đoàn để hoạt động hiệu quả hơn;
- củng cố bộ máy nhân sự, tiếp tục đưa cán bộ đi đào tạo trong và ngoài nước để nâng cao trình độ quản lý.



Lễ ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện giữa Sao Mai và BIDV Kiên Giang

QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Tập đoàn Sao Mai nhiệm kỳ 2010 – 2015 có 06 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Phó chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT. Trong đó, có 04 thành viên tham gia điều hành và 02 thành viên không tham gia điều hành, cụ thể:

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Sao Mai	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Ghi chú
1	Lê Thanh Thuận	CT.HĐQT	10.590.096	9,87%	Kiểm Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Văn Hung	P.CTHĐQT	950.000	0,88%	Kiểm Phó Tổng Giám đốc thường trực
3	Lê Văn Thủy	TV.HĐQT	1.046.560	0,97%	Không điều hành
4	Lê Văn Chung	TV.HĐQT	1.646.000	1,53%	Kiểm Phó Tổng Giám đốc
5	Lê Xuân Quế	TV.HĐQT	580.000	0,54%	Kiểm Phó Tổng Giám đốc
6	Võ Thị Hồng Tâm	TV.HĐQT	264.960	0,24%	Không điều hành

Lý lịch trích ngang của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Ông Lê Văn Thủy sinh năm 1963 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Từ năm 1979-1982 là bộ đội học tại trường Thông tin Quân đoàn 2.F306 E422.

Sau khi xuất ngũ và theo học các lớp về cơ khí, từ năm 1989 ông làm thợ cơ khí đến năm 1995 làm phó Quản đốc.

Sau đó, Ông Thủy tham gia thành lập Tập đoàn Sao Mai từ năm 1997 và làm đội trưởng đội xây dựng số 8. Từ năm 2003 đến nay làm Giám đốc Ban Quản lý dự án Bình Khánh 3 kiêm trưởng Ban giải tỏa đền bù dự án Bình Khánh 5. Hiện nay ông Thủy đang nắm giữ 1.046.560 cổ phần, tương đương 0,97 % vốn điều lệ của Tập đoàn Sao Mai.





Bà Võ Thị Hồng Tâm sinh năm 1963 tại Châu Đốc – An Giang.

Năm 1998 công tác tại Phòng Kế toán Tập đoàn Sao Mai.

Năm 2008, Bà Tâm được bổ nhiệm làm Chánh văn phòng Tập đoàn Sao Mai.

Hiện nay Bà Tâm đang nắm giữ 264.960 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,24% vốn điều lệ.

Danh sách Hội đồng quản trị nắm cổ phần tại các công ty khác:

Họ & Tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Tên Công Ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
Lê Thanh Thuần	Chủ tịch HĐQT	Cty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (TriSedCo)	192.100	1,28%
Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch HĐQT	Cty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia (IDI)	580.176	1,27%
		Cty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (TriSedCo)	50.000	0,33%
Lê Văn Thủy		Cty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia (IDI)	101.250	0,22%
		Cty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (TriSedCo)	87.300	0,58%
Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc	Cty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia (IDI)	530.608	1,16%
		Cty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (TriSedCo)	120.000	0,80%
Lê Xuân Quế	TV.HĐQT	Cty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia (IDI)	200.000	0,44%
	TGD	Cty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (TriSedCo)	33.000	0,22%
		Cty CP Đầu Tư Tài Chính và Truyền Thông Quốc Tế (IMF)	50.000	5,00%
		Cty CP Tư Vấn và Đầu Tư Tài Chính (ASTAR)	60.000	0,12%
Võ Thị Hồng Tâm		Cty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (TriSedCo)	6.000	0,04%
		Cty CP Đầu Tư Tài Chính và Truyền Thông Quốc Tế (IMF)	10.000	1,00%



2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2014 vừa qua, với quyền hạn và trách nhiệm của mình Hội đồng quản trị đã tập trung giám sát và hỗ trợ tích cực cho Ban Tổng Giám đốc trong điều hành sản xuất kinh doanh. Đồng thời, xem xét quyết định các vấn đề mang tính chiến lược và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phù hợp với tình hình thực tế, quy định của pháp luật và điều lệ Sao Mai, cụ thể bằng các Nghị quyết, quyết định sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-ĐHCD/2014	17/05/2014	V/v thông qua các nội dung của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
2	03/NQ.ASM	19/06/2014	V/v thông qua chi tiết đợt phát hành tăng vốn năm 2014
3	04/NQ.ASM	19/06/2014	V/v thông qua tiêu chuẩn và danh sách cán bộ công nhân viên được mua cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ năm 2014.
4	05/NQ.ASM	19/06/2014	V/v đăng ký mở tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng.
5	06/NQ.ASM	19/06/2014	V/v thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.
6	07/NQ.ASM	20/06/2014	V/v thông qua kế hoạch chi tiết sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành lần 1 năm 2014.
7	08/NQ.ASM	21/06/2014	V/v thông qua số tiền tối thiểu cần thu được và phương án xử lý trong trường hợp không chào bán đủ số tiền tối thiểu cho đợt phát hành lần 1 năm 2014.
8	09/NQ.ASM	22/08/2014	V/v thay đổi tài khoản phong tỏa.
9	10/NQ.ASM	19/09/2014	V/v thay đổi tài khoản phong tỏa.
10	11/NQ.ASM	24/09/2014	V/v xử lý cổ phiếu lẻ.
11	14/NQ.ASM	22/09/2014	V/v thông qua danh sách cán bộ công nhân viên được mua cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ năm 2014 theo tiêu chí mới.
12	12/NQ.ASM	17/10/2014	V/v lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản xin thông qua việc Sao Mai dự định phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng rẽ, không chuyển đổi.
13	16/NQ.HĐQT	17/11/2014	Phân phối cổ phiếu ASM không chào bán hết.
14	17/NQ.ASM	21/11/2014	V/v thông qua kết quả phân phối 26.102.557 cổ phiếu không chào bán hết.
15	02/NQ-ĐHĐCD	09/12/2014	V/v thông qua phương án phát hành trái phiếu và sửa đổi điều lệ.
16	1209/QĐ/HĐQT-2014	09/12/2014	V/v triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Trong năm các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tham gia đầy đủ các cuộc họp do Hội đồng quản trị tổ chức. Đồng thời, xem xét đóng góp nhiều ý kiến quan trọng trong các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị làm cơ sở cho Ban điều hành thực hiện.

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Hiện tại Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010 - 2015 gồm 3 thành viên sau:

STT	Họ & Tên	Chức Vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Trương Công Khánh	Trưởng ban	0	0
2	Lê Thanh Hân	Ủy viên	0	0
3	Lê Thị Tính	Ủy viên	0	0

Lý lịch trích ngang của thành viên Ban kiểm soát:

 Trưởng Ban kiểm soát Tập đoàn Sao Mai	Ông Trương Công Khánh sinh năm 1989 tại Đồng Tháp, tốt nghiệp cử nhân kế toán-kiểm toán. Từ 7/2009 - 11/2010 Ông công tác Ban kiểm toán nội bộ Tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành. Từ 12/2010 - 10/2013, Ông chuyển sang công tác tại Công ty CP Địa ốc – Khoán sản Châu Á và kiêm kế toán viên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI. Từ 8/2013 đến nay, Ông được bầu làm Giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI. Tháng 9/2013, Ông Khánh được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát của Tập đoàn Sao Mai đến nay.
---	--

Bà Lê Thị Tính sinh năm 1985 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp Cao đẳng tài chính Kế toán, bà Tính làm việc tại phòng Kế toán của Tập đoàn Sao Mai từ năm 2003.

Năm 2007, Bà công tác tại phòng Kế toán Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia và được bầu làm thành viên Ban Kiểm Soát của Tập đoàn Sao Mai đến nay.



Ủy viên Ban Kiểm soát
Tập đoàn Sao Mai



Ủy viên Ban Kiểm soát
Tập đoàn Sao Mai

Ông Lê Thanh Hành sinh năm 1974 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Sau khi tốt nghiệp trung cấp xây dựng, Ông vào làm việc tại Tập đoàn Sao Mai. Từ năm 2000, ông Hành được bổ nhiệm làm Đội trưởng đội xây dựng số 01 Tập đoàn Sao Mai.

Năm 2003, Ông công tác tại Ban quản lý dự án Khu dân cư Bình Khánh 3 – Tập đoàn Sao Mai. Sau đó, Ông công tác tại phòng kế hoạch Tập đoàn Sao Mai từ năm 2007.

Hiện tại, Ông là thành viên Ban Kiểm Soát của Tập đoàn Sao Mai.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2014 vừa qua, Ban kiểm soát đã tổ chức nhiều cuộc họp và tham gia nhiều hoạt động, cụ thể như sau:

- Tham gia tổ chức, kiểm phiếu Đại hội cổ đông thường niên năm 2014; Giám sát, kiểm tra các hoạt động có liên quan đến quan hệ cổ đông như cập nhật thông tin cổ đông, các vấn đề có liên quan đến cổ phần - cổ phiếu, hoạt động công bố thông tin;
- Tham gia kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua phương án phát hành trái phiếu và sửa đổi điều lệ;
- Thẩm tra các báo cáo, giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc điều hành và quản lý Sao Mai;
- Tham dự tương đối đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tập đoàn, đặc biệt là một số cuộc họp liên quan đến chiến lược phát triển Tập đoàn Sao Mai và tổng kết đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực của chứng từ, sổ sách kế toán, xem xét, thẩm định các Báo cáo của công ty và tổ chức kiểm toán;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo công tác quản lý của Hội đồng quản trị, đệ trình báo cáo thẩm định các vấn đề này lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;



- Đề xuất lên Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng quản trị những biện pháp sửa đổi, cải thiện và bổ sung cơ cấu tổ chức của Sao Mai hay việc quản lý và điều hành những hoạt động kinh doanh của Tập đoàn;
- Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong năm qua.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Ngoài mức lương mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 phê duyệt cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thì trong năm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác không được nhận thêm bất kỳ khoản thù lao, thưởng hay lợi ích nào khác.

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm cổ đông nội bộ không có giao dịch cổ phiếu.

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng năm 2014 đã được kiểm toán (khoản 2 mục 30 phần thuyết minh - trang 31-32).

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Tập đoàn Sao Mai:

Về cơ bản Sao Mai đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về quản trị Tập đoàn.



Hội thảo Khoa học Dầu cá và Sức khỏe

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kiểm toán độc lập:

❖ **Đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

- Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM;
- Điện thoại: (84.8) 38205944 Fax: (84.8) 38205942;
- Website: aascs.com.vn.

❖ **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Sao Mai đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

(Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính năm 2014 hợp nhất đã kiểm toán được đính kèm ở phần sau của Báo cáo thường niên này).

Thành phố Long Xuyên, ngày 19 tháng 3 năm 2015

TM Hội đồng quản trị

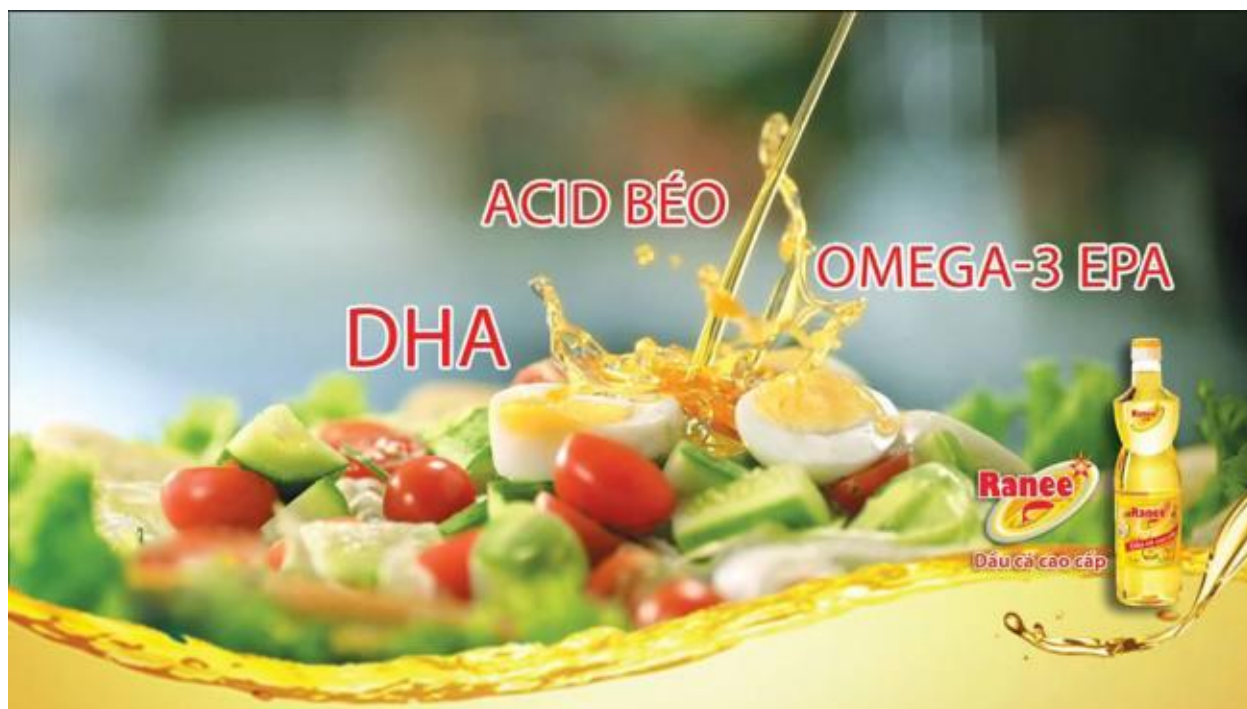
Chủ tịch

Nơi gửi:

- Quý cổ đông công ty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TPHCM (để b/c);
- Đăng Website công ty;
- Lưu VT, QH&Đ.



Lê Thanh Thuận





Báo cáo tài chính
đã được kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.Hồ Chí Minh-Tel: (84.8)38205944 fax: (84.8)38205942

E-mail: infor@aaacs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 39



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được đổi tên doanh nghiệp từ Công ty Cổ Phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 08 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Tiền thân của Công ty là Công ty Cổ Phần Đầu tư & Xây dựng tỉnh An Giang thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLĐN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 03 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600169024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 11 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25 tháng 4 năm 2012; Đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 05 tháng 12 năm 2012; Đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 24 tháng 09 năm 2013; đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 20 tháng 12 năm 2013; Đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 26 tháng 09 năm 2014; Đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 23 tháng 10 năm 2014;

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 25 ngày 08 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp như sau:

Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng; Mua bán vật liệu xây dựng. Sản xuất mua bán trà xanh; Mua bán cá và thủy sản. Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến: dầu, mỡ, động thực vật; Mua bán linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Đào tạo nghề. Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thủy sản; Kinh doanh các dịch vụ du lịch; San lấp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông (cầu, đường, cống...), đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng - quán bar, phục vụ nhạc sống và ca múa nhạc (không hoạt động tại trụ sở chính);

Trụ sở chính: số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang

Tổng vốn điều lệ: 1.072.877.400.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn không trăm bảy mươi hai tỷ, tám trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng). Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại Hội Đồng cổ đông ngày 17/05/2014 như sau:

- Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 20% tương đương 9.536.688 CP; giá trị 95.366.880.000 đồng; đã được niêm yết theo Quyết định số 411/QĐ-SGDHCM ngày 24/10/2014 của Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.
- Thực hiện quyền mua theo tỷ lệ 1:1 và phát hành cho CB - CNV: 50.067.612 CP; giá trị 500.676.120.000 đồng; đã được niêm yết theo Quyết định số 478/QĐ-SGDHCM ngày 04/12/2014 của Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.

Vốn pháp định : 6.000.000.000 đồng . Bằng chữ: Sáu tỷ đồng.

Thông tin về chi nhánh

- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai - Mã số chi nhánh: 1600169024-012
Km 47 quốc lộ 51, thôn Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Tại tỉnh Thanh Hóa - Mã số chi nhánh: 1600169024-013
Khu đô thị mới Sao Mai, Quốc Lộ 47, Xã Thọ Dân, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai (tỉnh An Giang) - Mã số chi nhánh: 1600169024-014
Số 9 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp - Mã số chi nhánh: 1600169024-017
Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc tế Sao Mai - Mã số chi nhánh: 1600169024-019
Số 325/1 hẻm Hùng Vương, Đường Hùng Vương, P.Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Thông tin về văn phòng đại diện

- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc
Địa chỉ : Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
Mã số VPĐD : 1600169024-016
- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hoà Bình
Địa chỉ : Số nhà 151, tổ 5A, P. Phương Lâm, TP. Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
Mã số VPĐD : 1600169024-018

Thông tin các đơn vị thành viên

Công ty liên kết	Vốn đầu tư	Tỷ lệ
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	111.211.790.000 VND	24,65%
+ Công ty CP Đầu tư Du Lịch và Phát triển Thủy Sản	62.000.000.000 VND	41,33%
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	3.160.000.000 VND	31,60%
+ Công ty CP Dầu Cá Châu Á (*)	24.000.000.000 VND	20,00%

(*) Ghi chú: Tên cũ là Cty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á

Công ty con	Vốn đầu tư	Tỷ lệ
+ Cty TNHH Dũng Thịnh Phát	33.000.000.000 VND	66,00%
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	20.047.729.800 VND	63,54%

Kết quả hoạt động

- Lợi nhuận sau thuế:	+ Năm 2014	89.154.359.443 VND
	+ Năm 2013	25.484.245.170 VND
- Lợi nhuận chưa phân phối:	+ Tại thời điểm 31/12/2014	120.995.887.650 VND
	+ Tại thời điểm 31/12/2013	58.234.527.050 VND

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuận	Chủ tịch
Ông : Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch
Ông : Lê Văn Chung	Thành viên
Ông : Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông : Lê Văn Thủy	Thành viên
Bà : Võ Thị Hồng Tâm	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuận	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà : Lê Thị Nguyệt Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Hoàng Sang	Giám Đốc Tài chính
Bà : Lê Thị Phụng	Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông : Trương Công Khánh

Bà : Lê Thị Tính

Ông : Lê Thanh Hành

Trưởng ban kiểm soát

Ủy viên kiểm soát

Ủy viên kiểm soát



Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho năm tài chính tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

Long Xuyên, ngày 14 tháng 02 năm 2015

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Lê Thanh Thuận

Long Xuyên, ngày 14 tháng 02 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Thuận

Số: 95 /BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc**Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai, được lập ngày 14 tháng 02 năm 2015, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2015
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM - AASCs**

TỔNG GIÁM ĐỐC**ĐỖ KHẮC THANH****KIỂM TOÁN VIÊN****LÊ VĂN TUẤN**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.953.211.041.211	1.069.348.136.779
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	389.731.896.437	25.768.808.229
1. Tiền	111		39.466.688.104	19.768.808.229
2. Các khoản tương đương tiền	112		350.265.208.333	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	625.974.996.721	470.830.267.834
1. Phải thu khách hàng	131		337.983.074.317	250.167.935.228
2. Trả trước cho người bán	132		270.196.363.430	207.767.412.030
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		17.795.558.974	12.894.920.576
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	861.193.048.643	502.827.932.449
1. Hàng tồn kho	141		861.193.048.643	502.827.932.449
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		76.311.099.410	69.921.128.267
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	29.317.000	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.346.245.182	13.721.671.550
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	67.024.298	6.019.478.241
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	59.868.512.930	50.179.978.476
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		528.033.451.222	604.163.744.170
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		39.193.850	39.193.850
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		39.193.850	39.193.850
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		143.047.449.584	254.033.365.727
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	69.158.198.641	36.468.947.610
- Nguyên giá	222		88.892.920.841	43.370.265.927
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.734.722.200)	(6.901.318.317)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	22.150.765.000	12.470.765.000
- Nguyên giá	228		22.150.765.000	12.470.765.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	51.738.485.943	205.093.653.117
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	85.763.335.670	82.025.685.169
- Nguyên giá	241		105.900.867.651	99.272.993.654
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(20.137.531.981)	(17.247.308.485)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	272.876.816.811	254.816.960.218
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		248.949.869.307	231.890.012.714
3. Đầu tư dài hạn khác	258		23.940.000.000	22.940.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(13.052.496)	(13.052.496)
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.274.105.674	7.971.785.986
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	16.952.822.447	7.971.785.986
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.738.791.714	
3. Tài sản dài hạn khác	268		582.491.513	
VI. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269		7.032.549.633	5.276.753.220
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.481.244.492.433	1.673.511.880.949

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A . NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.203.534.595.293	969.098.345.820
I. Nợ ngắn hạn	310		778.826.401.977	566.207.903.871
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	521.663.950.218	363.088.739.386
2. Phải trả người bán	312		101.040.087.826	133.016.672.315
3. Người mua trả tiền trước	313		88.200.414.440	58.256.082.834
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	35.930.362.549	6.128.327
5. Phải trả người lao động	315		482.564.004	
6. Chi phí phải trả	316		150.408.400	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	22.597.607.768	3.428.501.975
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.761.006.772	8.411.779.034
II. Nợ dài hạn	330		424.708.193.316	402.890.441.949
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		3.174.600.241	500.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	413.595.702.900	402.387.443.544
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.564.203	2.998.405
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		7.936.325.972	
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1.267.206.446.675	702.895.595.733
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.267.206.446.675	702.895.595.733
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.072.877.400.000	476.834.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.057.080.000	141.588.960.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.652.215.615	10.633.030.444
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.652.215.615	10.633.030.444
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.971.647.795	4.971.647.795
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		120.995.887.650	58.234.527.050
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		10.503.450.465	1.517.939.396
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+500)	440		2.481.244.492.433	1.673.511.880.949

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		103,625.31	53,371.63
- Yên Nhật (JPY)			
- Euro (EUR)			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng

Lê Thị Phụng

Long Xuyên, ngày 14 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Thuận



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	1.222.977.836.978	1.182.023.924.888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.19	23.689.038.720	46.944.498.432
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.20	1.199.288.798.258	1.135.079.426.456
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	1.001.869.699.030	1.012.702.268.750
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		197.419.099.228	122.377.157.706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	10.625.012.333	2.619.791.071
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	52.680.947.242	56.045.499.924
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.543.107.781	52.200.147.275
8. Chi phí bán hàng	24		39.764.137.730	33.772.684.584
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.615.245.646	19.785.151.070
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		92.983.780.943	15.393.613.199
11. Thu nhập khác	31		781.954.036	808.676.830
12. Chi phí khác	32		351.902.593	64.870.175
13. Lợi nhuận khác	40		430.051.443	743.806.655
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		14.371.479.983	13.150.419.134
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		107.785.312.369	29.287.838.988
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	20.371.178.842	3.808.246.401
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.740.225.916)	(4.652.583)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		89.154.359.443	25.484.245.170
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3.315.915	4.615.883
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		89.151.043.528	25.479.629.287
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.25	1.698	630

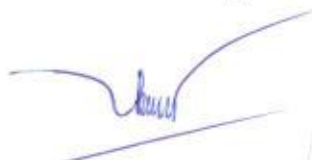
Long Xuyên, ngày 14 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Tố Ngân



Lê Thị Phương

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Thuận

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			107.785.312.369	29.287.838.988
2. Điều chỉnh cho các khoản				
1. Khấu hao tài sản cố định	02		5.996.265.030	4.995.437.457
2. Các khoản dự phòng	03			1.175.327.747
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(32.464.262)	(11.985.818)
4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.547.219.908)	(2.319.543.317)
5. Chi phí lãi vay	06		48.421.405.704	49.243.898.975
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		152.623.298.933	82.370.974.032
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(144.942.784.065)	(88.147.893.060)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(205.940.969.476)	(48.081.929.487)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		41.107.790.031	5.758.649.936
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.568.890.763)	(2.361.811.308)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(75.869.485.657)	(49.243.898.975)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.026.515.750)	(18.028.533.928)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(60.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(240.677.556.747)	(117.734.442.790)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.395.085.248)	(12.680.874.552)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.211.273	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(21.097.729.800)	(880.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			3.913.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.543.971.745	585.836.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.945.632.030)	(9.062.038.001)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		500.676.120.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.929.135.134.244	1.754.949.437.341
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.773.403.672.474)	(1.657.508.832.468)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.849.724.719)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		632.557.857.051	97.440.604.873
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		363.934.668.274	(29.355.875.918)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25.764.763.901	55.112.698.329
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		32.464.262	11.985.818
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		389.731.896.437	25.768.808.229

Người lập biểu

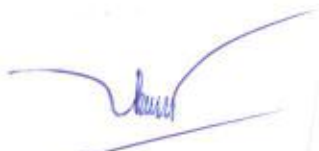
Kế toán trưởng

Long Xuyên, ngày 14 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Ngô Thị Tố Ngân



Lê Thị Phụng



Lê Thanh Thuận

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được đổi tên doanh nghiệp từ Công ty Cổ Phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 08 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Tiền thân của Công ty là Công ty Cổ Phần Đầu tư & Xây dựng tỉnh An Giang thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 03 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600169024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 11 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25 tháng 4 năm 2012; Đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 05 tháng 12 năm 2012; Đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 24 tháng 09 năm 2013; đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 20 tháng 12 năm 2013; Đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 26 tháng 09 năm 2014; Đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 23 tháng 10 năm 2014;

Tổng vốn điều lệ: 1.072.877.400.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn không trăm bảy mươi hai tỷ, tám trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng). Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại Hội Đồng cổ đông ngày 17/05/2014 như sau:

- Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 20% tương đương 9.536.688 CP; giá trị 95.366.880.000 đồng; đã được niêm yết theo Quyết định số 411/QĐ-SGDHCM ngày 24/10/2014 của Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.
- Thực hiện quyền mua theo tỷ lệ 1:1 và phát hành cho CB - CNV: 50.067.612 CP; giá trị 500.676.120.000 đồng; đã được niêm yết theo Quyết định số 478/QĐ-SGDHCM ngày 04/12/2014 của Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.

Trụ sở chính của công ty tại số 326 Hùng Vương, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, sản xuất.

1.3. Ngành nghề kinh doanh của Công Ty gồm:

Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng; Mua bán vật liệu xây dựng. Sản xuất mua bán trà xây dựng; Mua bán cá và thủy sản. Mua bán thực phẩm, thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến: dầu, mỡ, động thực vật; Mua bán linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Đào tạo nghề. Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thủy sản; Kinh doanh các dịch vụ du lịch; San lấp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông (cầu, đường, cống...), đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng - quán bar, phục vụ nhạc sống và ca múa nhạc (không hoạt động tại trụ sở chính);

1.4 Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất vào Báo cáo tài chính:

Công ty con	: 02 Công ty
Tên công ty	Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát
Địa chỉ	Số 09 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP.HCM.
Vốn điều lệ	50.000.000.000 VND
Tỷ lệ góp vốn	66%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tên công ty	Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp
Địa chỉ	Số 02 Đốc Binh Kiều, Phường 2, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Vốn điều lệ	25.551.260.000 VND
Tỷ lệ góp vốn	63,54%
Công ty liên kết	: 04 Công ty
▪ Tên công ty	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đa quốc gia I.D.I
Địa chỉ	QL 80, Cụm CN Vàm Cống, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T.Đồng Tháp.
Vốn điều lệ	380.000.000.000 VND
Tỷ lệ góp vốn	24,65%
▪ Tên công ty	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản
Địa chỉ	290A/6 Đường 955, Khóm Xuân Hòa, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
Vốn điều lệ	150.000.000.000 VND
Tỷ lệ góp vốn	41,33%
▪ Tên công ty	Công ty CP Dầu Cá Châu Á (*)
Địa chỉ	Quốc lộ 81, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp
Vốn điều lệ	120.000.000.000 VND
Tỷ lệ góp vốn	20,00%
(*) Ghi chú: Tên cũ là Cty CP DT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	
▪ Tên công ty	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Truyền thông Quốc Tế
Địa chỉ	Khóm Xuân Hòa, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
Vốn điều lệ	10.000.000.000 VND
Tỷ lệ góp vốn	31,60%

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai và Báo cáo tài chính của các Công ty con ("nhóm Công ty") được hợp nhất như sau:

	Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty mẹ		Tỷ lệ quyền biểu quyết do công ty mẹ nắm giữ	
	31/12/2014		31/12/2014	
Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	33.000.000.000	VND	66%	
Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	20.047.729.800	VND	63,54%	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (công ty mẹ) và các công ty con: Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát (công ty con), Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp (công ty con), gọi tắt "Công ty".

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

4.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

4.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4.3 Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm Báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng đôla Mỹ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ ngắn hạn (1 năm trở xuống) tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên báo cáo tài chính.

Tỷ giá BQ các ngân hàng tại ngày 31/12/2014

21.366 VND/USD

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm Báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và có điều chỉnh vào cuối kỳ kế toán.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hóa thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khóa sổ và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Phần mềm quản lý	04 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế được thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 và thông tư sửa đổi số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm Báo cáo có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí tài chính, chi phí chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái được ghi nhận khi thực tế có phát sinh và được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

11. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

12. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

13. Công cụ tài chính

13.1. Tài sản tài chính

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

13.2. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN

		Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt - VND		20.130.428.952	15.271.030.231
+ Tiền mặt VND		20.127.353.684	15.271.030.231
+ Tiền mặt ngoại tệ-USD	144 USD	3.075.268	
- Tiền gửi ngân hàng	USD	19.336.259.152	4.497.777.998
+ Tiền gửi VND		17.125.256.604	3.372.543.923
+ Tiền gửi ngoại tệ	103,481.31	2.211.002.548	1.125.234.075
- Các khoản tương đương tiền		350.265.208.333	6.000.000.000
Cộng		389.731.896.437	25.768.808.229

02. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng	337.983.074.317	250.167.935.228
- Trả trước cho người bán	270.196.363.430	207.767.412.030
- Phải thu khác	17.795.558.974	12.894.920.576
+ Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
+ BHXH nộp thừa	17.931.779	153.242.276
+ BHYT nộp thừa		39.864.529
+ BHTN nộp thừa		13.134.130
+ Kinh phí Công đoàn nộp thừa	11.252.000	
+ Ông Trần Minh Trí	6.893.290.000	6.893.290.000
+ Công ty CP ĐT PT THS ĐQG IDI (bảo hiểm)		576.743.525
+ Công ty CP Trisedco	80.275.000	200.817.185
+ Công ty CP Dầu Cá Châu Á	3.452.000.000	2.452.000.000
+ Công ty CP Dầu Cá Châu Á (tiền BH)	484.833.422	54.728.422
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	205.000.000	165.000.000
+ Công ty Việt Sinh	1.485.336.726	1.485.336.726
+ Công ty CP Nhựt Hồng tiền bảo hiểm	83.924.268	49.409.268
+ Công ty Cơ Giới Lâm Đồng (Đào Duy Khả)	100.000.000	100.000.000
+ Phải thu Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	547.680.000	547.680.000
+ Đối tượng khác	4.434.035.779	163.674.515
Cộng	625.974.996.721	470.830.267.834

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

03. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	857.917.170	1.039.975.166
- Công cụ, dụng cụ	16.058.646	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	93.755.883.076	108.520.417.990
- Hàng gửi đi bán	28.889.760.000	31.590.480.292
- Hàng hóa (Bia, rượu, nước giải khát)	295.401.756	
- Hàng hóa bất động sản	737.378.027.995	361.677.059.001
Cộng giá trị gốc hàng tồn kho	861.193.048.643	502.827.932.449

04. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phân bổ chi phí SXKD năm	Số cuối năm
CCDC chờ phân bổ		2.241.371.038	2.212.054.038	29.317.000
In thiệp+lich năm 2014		31.900.000	31.900.000	
Cộng	-	2.273.271.038	2.243.954.038	29.317.000

05. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng		397.528.015
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		5.101.087.406
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	65.868.550	65.868.550
- Thuế thu nhập cá nhân		32.954.252
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất		1.818.810
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	1.155.748	420.221.208
Cộng	67.024.298	6.019.478.241

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

06. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng (*)	59.868.512.930	50.179.978.476
Cộng	59.868.512.930	50.179.978.476

(*) Chủ yếu tạm ứng cho nhân viên Công ty đi mua đất dự án

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

07. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

						Đơn vị tính: VND
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	35.536.706.941	1.172.458.537	4.241.553.692	2.419.546.757		43.370.265.927
- Mua trong năm		276.695.700	2.544.523.372			2.821.219.072
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác	37.203.464.883	3.208.882.110	631.742.968		3.482.892.999	44.526.982.960
- Chuyển sang BĐSĐT						
- Thanh lý, nhượng bán		(55.223.810)	(1.117.298.935)	(653.024.373)		(1.825.547.118)
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	72.740.171.824	4.602.812.537	6.300.521.097	1.766.522.384	3.482.892.999	88.892.920.841
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.869.723.293	574.419.180	3.172.921.128	1.284.254.716		6.901.318.317
- Khấu hao trong năm	781.608.060	185.208.229	1.666.084.534	473.140.711		3.106.041.534
- Khấu hao tăng/giảm do điều chỉnh	9.644.931.319	1.364.848.389	217.639.852		325.489.907	11.552.909.467
- Thanh lý, nhượng bán		(55.223.810)	(1.117.298.935)	(653.024.373)		(1.825.547.118)
Số dư cuối năm	12.296.262.672	2.069.251.988	3.939.346.579	1.104.371.054	325.489.907	19.734.722.200
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Tại ngày đầu năm	33.666.983.648	598.039.357	1.068.632.564	1.135.292.041		36.468.947.610
- Tại ngày cuối năm	60.443.909.152	2.533.560.549	2.361.174.518	662.151.330	3.157.403.092	69.158.198.641

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

08. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	12.470.765.000			12.470.765.000
- Mua trong năm	9.680.000.000			9.680.000.000
- Tặng khác				
- Chuyển sang BĐS đầu tư				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm	22.150.765.000			22.150.765.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm				
- Khấu hao trong năm				
- Tặng khác				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm				
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
- Tại ngày đầu năm	12.470.765.000			12.470.765.000
- Tại ngày cuối năm	22.150.765.000			22.150.765.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

09. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xây dựng cơ bản dở dang:		
+ Khu chung cư cao cấp huyện Nhà Bè Tp.HCM		53.096.416
+ Khu dân cư Bình Khánh 3-Đường giải thoát giao thông	1.147.923.083	1.118.523.083
+ Khu dân cư Bình Khánh 5		13.305.433.168
+ Khu dân cư Bình Khánh 3		18.317.327.149
+ Khu dân cư Phường 7 - Thị xã Bến Tre		8.243.659.176
+ Khu dân cư Cái Dầu - Châu Phú		35.018.949.851
+ Khu dân cư Chợ Vàm - Huyện Phú Tân	80.000.000	80.000.000
+ Khu dân cư Hội An - Huyện Chợ Mới		4.919.225.385
+ Khu dân cư Hoà Bình	1.614.397.310	1.614.397.310
+ Khu đô thị P.10 Tp.Mỹ Tho, Tiền Giang	882.034.099	882.034.099
+ Khu dân cư Phú Hòa huyện Thoại Sơn		227.551.396
+ Khu dân cư Thị trấn Tri Tôn		60.339.006.835
+ Khu dân cư Xuân Biên - Tịnh Biên		11.515.356.866
+ Khu dân cư Hàn Quốc (resort Vũng Tàu)		2.078.892.383
+ Mua đất xây dựng "khu văn phòng và nhà ở cao tầng"	47.380.200.000	47.380.200.000
+ Công trình Cồn Bình Thạnh - Huyện Cao Lãnh	462.649.706	
+ Thiết kế nhà hàng Sa Đéc	73.535.298	
+ Công trình khác	97.746.447	
Cộng	51.738.485.943	205.093.653.117

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá BĐS đầu tư	99.272.993.654	6.627.873.997		105.900.867.651
- Quyền sử dụng đất	49.181.856.194	2.201.818.182		51.383.674.376
- Nhà	50.091.137.460	4.426.055.815		54.517.193.275
II. Giá trị hao mòn lũy kế	17.247.308.485	2.890.223.496		20.137.531.981
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	17.247.308.485	2.890.223.496		20.137.531.981
III. Giá trị còn lại	82.025.685.169			85.763.335.670
- Quyền sử dụng đất	49.181.856.194			51.383.674.376
- Nhà	32.843.828.975			34.379.661.294

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Đơn vị tính: VNĐ		
	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ đầu tư
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		248.949.869.307			231.890.012.714	
a. Giá trị đầu tư		200.371.790.000			200.321.790.000	
Cty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	11.239.774	111.211.790.000	24,65%	9.366.479	111.211.790.000	24,65%
Cty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	6.200.000	62.000.000.000	41,33%	6.200.000	62.000.000.000	41,33%
Cty CP Dầu Cá Châu Á(**)	2.400.000	24.000.000.000	20,00%	2.400.000	24.000.000.000	20,00%
(**) Ghi chú: Tên cũ là Cty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á						
Cty CP ĐT TC và Truyền thông Quốc tế	316.000	3.160.000.000	31,60%	311.000	3.110.000.000	31,10%
b. Phần lãi trong công ty liên kết thuộc về Công ty		48.578.079.307			31.568.222.714	
2. Đầu tư dài hạn khác		23.940.000.000			22.940.000.000	
Cty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	794.000	7.940.000.000	6,62%	794.000	7.940.000.000	6,62%
Cty CP Nhứt Hồng (*)	1.500.000	15.000.000.000	18,75%	1.500.000	15.000.000.000	18,75%
Cty CP PT Bông đá Đồng Tháp	100.000	1.000.000.000	10%			
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(13.052.496)			(13.052.496)	
Tổng cộng giá trị đầu tư		272.876.816.811			254.816.960.218	

(*) Khoản đầu tư vào Công ty CP Nhứt Hồng theo Quyết định số 08/QĐ.HĐQT-ASM.2012 ngày 08 tháng 02 năm 2013 đầu tư dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A, khu A xã Lý Văn Lâm, Tp Cà Mau. Tổng giá trị đầu tư 15.000.000.000 đồng vào Công ty CP Nhứt Hồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648648 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần thứ 05 ngày 10/09/2012.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	7.987.357.886	336.761.004
- Chi phí đào tạo cán bộ nguồn	8.965.464.561	7.635.024.982
Cộng	16.952.822.447	7.971.785.986

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	521.663.950.218	363.088.739.386
- Vay ngân hàng	519.065.950.218	361.200.739.386
Ngân hàng Ngoại Thương - CN Đồng Tháp	5.185.950.218	
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Kiên Giang	70.000.000.000	93.660.000.000
Ngân hàng Ngoại thương An Giang		57.540.739.386
Ngân hàng Phát triển An Giang	100.980.000.000	210.000.000.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	342.900.000.000	
- Vay đối tượng khác	2.598.000.000	1.888.000.000
Vay cá nhân	2.598.000.000	1.888.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	521.663.950.218	363.088.739.386
Cộng	521.663.950.218	363.088.739.386

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	9.074.294.233	1.716.273
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.013.420	
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.255.992.459	4.412.054
- Thuế thu nhập cá nhân	501.997.953	
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	16.880.462.792	
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	208.601.692	
Cộng	35.930.362.549	6.128.327

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	30.410.000	12.540.000
- Bảo hiểm xã hội	669.945.617	
- Bảo hiểm y tế		
- Bảo thất nghiệp	5.213.981	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.892.038.170	3.415.961.975
+ Chia cổ tức	1.236.065.500	1.042.984.000
+ Phải trả IDI chi hộ	5.385.197.750	925.311.555
+ Phải trả khác	15.270.774.920	1.447.666.420
+ Phải trả IDI chi dùm tiền bảo hiểm	5.200.000	69.998.000
+ Khác (*)	15.265.574.920	1.377.668.420
Cộng	22.597.607.768	3.428.501.975

(*): Chủ yếu là tiền khách hàng góp vốn liên doanh mua nền ở khu dân cư đang triển khai giai đoạn đầu (bồi hoàn) và góp vốn vào Công ty.

16. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	413.595.702.900	402.387.443.544
- Vay ngân hàng	312.092.422.000	360.221.720.174
Ngân hàng Ngoại Thương - CN Đồng Tháp	5.223.558.200	
Ngân hàng Công Thương - CN Đồng Tháp	62.500.000	
Ngân hàng Á Châu - CN An Giang	168.539.411.000	
Ngân hàng Ngoại Thương - CN An Giang	66.431.952.800	290.549.720.174
Ngân hàng Phương Đông - CN An Giang	24.960.000.000	44.672.000.000
Ngân hàng Bản Việt - CN An Giang	21.875.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang	25.000.000.000	
- Vay đối tượng khác	101.503.280.900	42.165.723.370
Đối tượng khác	101.503.280.900	42.165.723.370
Nợ dài hạn		
Cộng	413.595.702.900	402.387.443.544

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	397.362.020.000	141.588.960.000		4.971.647.795	112.227.277.763	10.633.030.444	10.633.030.444	677.415.966.446
Tăng vốn trong năm	79.472.380.000							79.472.380.000
Lãi trong năm					25.479.629.287			25.479.629.287
Giảm vốn trong năm								
Trích lập các quỹ								
Chia cổ tức								
Giảm khác					(79.472.380.000)			(79.472.380.000)
Số dư cuối năm trước	476.834.400.000	141.588.960.000		4.971.647.795	58.234.527.050	10.633.030.444	10.633.030.444	702.895.595.733
Tăng vốn trong năm	596.043.000.000							596.043.000.000
Lãi trong năm					89.151.043.528			89.151.043.528
Tăng do trích lập quỹ						1.019.185.171	1.019.185.171	
Tăng khác								
Giảm vốn trong năm		(96.531.880.000)			(23.841.720.000)			(96.531.880.000)
Chia cổ tức					(2.547.962.928)			(23.841.720.000)
Trích lập các quỹ					(2.547.962.928)			(2.547.962.928)
Số dư cuối năm	1.072.877.400.000	45.057.080.000		4.971.647.795	120.995.887.650	11.652.215.615	11.652.215.615	1.267.206.446.675

15011770
CÔNG TY
CH NHIỆM KẾ T
H VỤ TỰ V
HÌNH KẾ T
KIỂM T
HÓA NAM
29
TP. HỒ C

60016
ÁP Đ
AO
XUYỀN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>%</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>%</u>
Vốn góp của Nhà nước				
Vốn góp của các cổ đông	1.072.877.400.000	100%	476.834.400.000	100%
Cộng	1.072.877.400.000	100%	476.834.400.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	476.834.400.000	397.362.020.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	596.043.000.000	79.472.380.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	1.072.877.400.000	476.834.400.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	23.841.720.000	79.472.380.000

d) Cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành trong năm	59.604.300	7.947.238
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng trong năm	59.604.300	7.947.238
- Cổ phiếu phổ thông	59.604.300	7.947.238
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối năm	107.287.740	47.683.440
- Cổ phiếu phổ thông	107.287.740	47.683.440
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	49.653.585.228	55.816.005.959
Doanh thu bất động sản	248.791.127.924	122.542.791.594
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.273.526.510	7.538.198.855
Doanh thu thương mại	908.493.854.050	953.543.155.043
Doanh thu bất động sản đầu tư	5.765.743.266	42.583.773.437
Cộng	1.222.977.836.978	1.182.023.924.888

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán	201.945.600	22.781.208.105
Hàng bán bị trả lại	23.487.093.120	24.163.290.327
Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
Thuế tiêu thụ đặc biệt		
Thuế xuất khẩu		
Cộng	23.689.038.720	46.944.498.432

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	49.653.585.228	55.816.005.959
Doanh thu bất động sản	225.304.034.804	98.379.501.267
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.273.526.510	7.538.198.855
Doanh thu thương mại	908.291.908.450	930.761.946.938
Doanh thu thuần bất động sản đầu tư	5.765.743.266	42.583.773.437
Cộng	1.199.288.798.258	1.135.079.426.456

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hợp đồng xây dựng	28.434.670.095	44.458.442.667
Giá vốn bất động sản đã bán	99.424.400.245	25.435.974.741
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.262.153.658	10.998.550.393
Giá vốn thương mại	862.748.475.032	900.243.675.537
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		31.565.625.412
Cộng	1.001.869.699.030	1.012.702.268.750

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	977.529.635	588.603.951
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	32.464.262	11.985.818
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	612.097.996	1.969.201.302
- Thu tiền hỗ trợ lãi suất xuất khẩu	436.441.440	50.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.566.479.000	
Cộng	10.625.012.333	2.619.791.071

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	48.421.405.704	49.243.898.975
- Lãi tiền vay cá nhân		2.886.307.250
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.144.392.239	6.017.325.521
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(2.363.821.022)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	115.149.299	119.808.000
- Chi phí tài chính khác		141.981.200
Cộng	52.680.947.242	56.045.499.924

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý tài sản	3.211.273	900.000
- Thu lãi trả chậm thanh toán	380.442.927	192.541.500
- Thu nhập khác	398.299.836	615.235.330
Cộng	781.954.036	808.676.830

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý CCDC, TSCĐ		
- Phạt vi phạm lĩnh vực thuế	343.767.674	11.717.760
- Chi phí khác	8.134.919	53.152.415
Cộng	351.902.593	64.870.175

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	20.371.178.842	3.808.246.401
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Cộng	20.371.178.842	3.808.246.401

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107.785.312.369	29.287.838.988
--	------------------------	-----------------------

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.740.225.916)	(4.652.583)
Cộng	(1.740.225.916)	(4.652.583)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	89.151.043.528	25.479.629.287
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	52.510.572	40.454.719
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1.698	630

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.066.366.347	86.290.681.332
Chi phí nhân công	18.962.333.103	17.826.182.458
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.106.041.534	4.995.437.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.484.590.956	3.433.963.779
Chi phí khác bằng tiền	1.481.781.269	51.006.943.166
Cộng	175.101.113.209	163.553.208.192

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. ÁP DỤNG QUY ĐỊNH KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

2. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt	2.936.965.550 VND
--------------------------------------	-------------------

Tiền chi phí đào tạo cán bộ chủ chốt	1.330.439.579 VND
--------------------------------------	-------------------

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo Tài chính nội bộ của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Xây dựng, Bất động sản, xuất khẩu cá. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này.

Lĩnh vực kinh doanh: Thông tin về lĩnh vực kinh doanh là các hoạt động được phân loại thành các lĩnh vực như sau:

Chỉ tiêu	Kinh doanh bất động sản	Doanh thu xây dựng	Doanh thu thương mại	Doanh thu dịch vụ	Tổng
	Năm 2014	Năm 2014	Năm 2014	Năm 2014	Năm 2014
Doanh thu bán hàng	231.069.778.070	49.653.585.228	908.291.908.450	10.273.526.510	1.199.288.798.258
Giá vốn bán hàng	99.424.400.245	28.434.670.095	862.748.475.032	11.262.153.658	1.001.869.699.030
Lợi nhuận gộp	131.645.377.825	21.218.915.133	45.543.433.418	(988.627.148)	197.419.099.228
Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2013	Năm 2013	Năm 2013	Năm 2013
Doanh thu bán hàng thuần	140.963.274.704	55.816.005.959	930.761.946.938	7.538.198.855	1.135.079.426.456
Giá vốn bán hàng	57.001.600.153	44.458.442.667	900.243.675.537	10.998.550.393	1.012.702.268.750
Lợi nhuận gộp	83.961.674.551	11.357.563.292	30.518.271.401	(3.460.351.538)	122.377.157.706

Khu vực địa lý: Khu vực hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung ở tỉnh An Giang, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

4. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty không phát sinh các khoản thuê hoạt động nên không trình bày.

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

- Công ty không có rủi ro ngoại tệ và độ nhạy về tỷ giá do việc mua bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

- Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

- Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

- Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế Rủi ro này công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các Rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

- Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Đối với khoản phải thu khách hàng

Rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng được quản lý bằng cách áp dụng hạn mức thanh toán do Ban Tổng giám đốc Công ty phê duyệt. Quá trình thanh toán của khách hàng và mức độ rủi ro tín dụng được Trưởng phòng Kinh doanh và Kế toán trưởng theo dõi liên tục và báo cáo cho Ban Tổng giám đốc. Liên quan tới các khoản phải thu từ khách hàng nước ngoài, Công ty cũng thường yêu cầu khách hàng phải thanh toán trước giá trị hàng hóa, hoặc yêu cầu đảm bảo cho các khoản phải thu còn lại.

Tại ngày 31/12/2014, các khoản phải thu bị quá hạn hay có nguy cơ tổn thất không có phát sinh.

Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. Rủi ro thanh khoản

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình, vô hình và bất động sản đầu tư cho các khoản vay.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

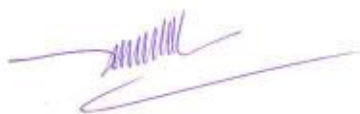
	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	521.663.950.218	413.595.702.900		935.259.653.118
Phải trả cho người bán	101.040.087.826	500.000.000		101.540.087.826
Các khoản phải trả khác	22.597.607.768			22.597.607.768
Cộng	645.301.645.812	414.095.702.900	-	1.059.397.348.712
Số đầu năm				
Vay và nợ	363.088.739.386	402.387.443.544		765.476.182.930
Phải trả cho người bán	133.016.672.315	500.000.000		133.516.672.315
Phải trả người lao động				-
Các khoản phải trả khác	3.428.501.975			3.428.501.975
Cộng	499.533.913.676	402.887.443.544	-	902.421.357.220

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp: Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (ASSCs) kiểm toán.

Người lập biểu



Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng



Lê Thị Phương

Long Xuyên, ngày 14 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám Đốc



Lê Thanh Thuận